

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RỊA

MỤC LỤC

CHƯƠNG THÔNG TIN CHUNG

01	Thông tin khái quát	6
	Quá trình hình thành và phát triển	8
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
	Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý và tổ chức kinh doanh	11
	Định hướng phát triển	14
	Các rủi ro	16

CHƯƠNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

02	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	20
	Tổ chức và nhân sự	22
	Tình hình hoạt động đầu tư	29
	Tình hình tài chính	29
	Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu	33
	Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng	34

CHƯƠNG BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

03	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	38
	Tình hình quản trị tài sản, nguồn vốn	39
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	41
	Kế hoạch phát triển trong tương lai	42
	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	44

CHƯƠNG BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	48
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	48
	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	49

CHƯƠNG BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

05	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	52
	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	52
	Ban kiểm soát	53
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	55

CHƯƠNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06	Ý kiến kiểm toán	60
	Báo cáo tài chính được kiểm toán	



THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, bộ máy quản lý và tổ chức kinh doanh
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RỊA

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RỊA

Tên tiếng nước ngoài: BARIA URBAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: BRUSCO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500100167 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 12/08/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/09/2019

Vốn điều lệ: 45.419.500.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 45.419.500.000 đồng

Địa chỉ: Số 11 Huỳnh Ngọc Hay, phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Số điện thoại: (0254) 3825422

Số fax: (0254) 3829801

Email: dothibaria@gmail.com

Website: dothibaria.com

Mã cổ phiếu: BRS

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2004

Tiền thân là Công ty công trình đô thị Thành phố Bà Rịa và được thành lập theo quyết định số 5328/QĐ-UB ngày 02/08/2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

2013

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa chính thức được Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3500100167 ngày 12/08/2013 với vốn điều lệ là 45.419.500.000 đồng;

2015

Ngày 06/01/2015 Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 01/2015/GCNCP-VSD

2018 - Nay

Tổ chức và hoạt động của Công ty luôn tuân thủ theo những quy định của Pháp luật cũng như theo Điều lệ của Công ty.

2012

Công ty chuyển đổi từ 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 2875/QĐ-UB-ND ngày 28/12/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Đô thị Thành phố Bà Rịa thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa;

2014

Ngày 19/09/2014 Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 5212/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

2017

Ngày 10/01/2017, Công ty được chấp nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu BRS trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với tổng số lượng cổ phiếu giao dịch là 4.541.950 cổ phiếu;

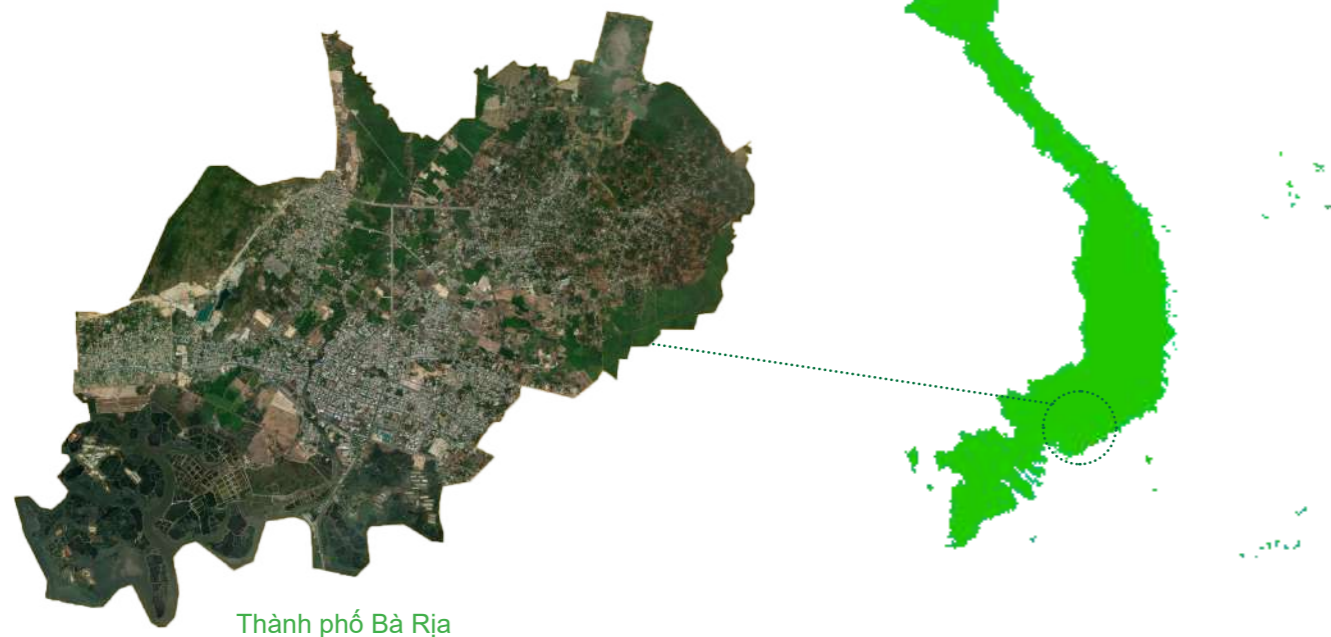
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ; Sửa chữa thiết bị điện;
- Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Kinh doanh trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chủ yếu tập trung trên địa bàn Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa hoạt động với mô hình quản trị tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát

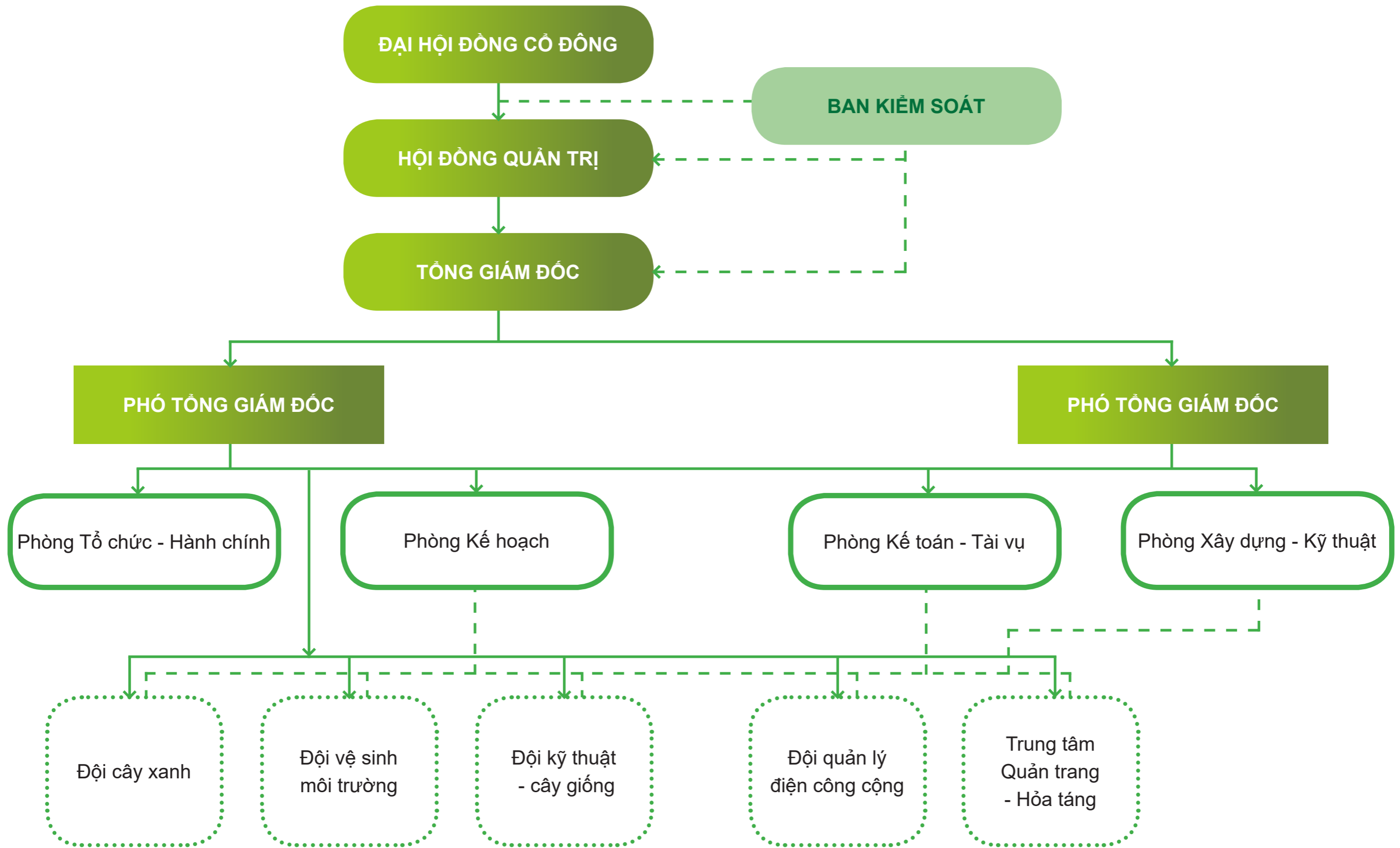
Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm có 01 Tổng Giám đốc điều hành, 02 Phó Tổng Giám đốc điều hành và 01 Kế toán trưởng. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ các quy định tại hợp đồng lao động.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Với hơn 15 năm kinh nghiệm, Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa hướng tới mục tiêu trở thành một đơn vị cung cấp dịch vụ công ích uy tín và chất lượng trong ngành nói chung và trên địa bàn thành phố Bà Rịa nói riêng. Theo đó, Công ty đã thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Xây dựng và quảng bá hình ảnh, thương hiệu Công ty; nghiên cứu khai thác hiệu quả các dịch vụ hiện hữu, tiếp tục tìm kiếm đối tác, khách hàng và phát triển các dịch vụ kinh doanh mới tiềm năng;
- Chú trọng đầu tư trang thiết bị, máy móc hiện đại song song với kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu của khách hàng và tối đa hóa hiệu quả kinh doanh;
- Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, tâm huyết với công việc nhằm nâng cao hiệu quả, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện đầu tư nâng cấp phương tiện kỹ thuật, tư liệu sản xuất; sửa chữa các trang thiết bị, văn phòng và nhà xưởng nhằm tăng giá trị sử dụng của các tài sản này.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tập trung phát triển lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Luôn luôn cập nhật thông tin để nắm bắt cơ hội tham gia đấu thầu các dự án thi công công trình công viên, hoa viên trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Thực hiện các dự án hiện tại một cách chuyên nghiệp để gây dựng uy tín, duy trì mối quan hệ với khách hàng và chủ đầu tư kéo theo là hệ thống khách hàng ngày một phát triển;
- Đảm bảo quyền lợi và lợi ích của 3 bên cổ đông – người lao động – khách hàng.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu đối với môi trường

Công ty là đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích nên các hoạt động của Công ty đều chú trọng đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí về môi trường, góp phần làm cho cảnh quan môi trường thành phố Bà Rịa ngày càng xanh – sạch – đẹp. Đồng thời, Công ty luôn tuân thủ luật Bảo vệ Môi trường và các quy định chung của Nhà nước.

Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

- Cung ứng các dịch vụ an toàn và chất lượng; xây dựng uy tín, niềm tin cho người dân đối với các hoạt động kinh doanh của Brusco nhằm đảm bảo môi trường, cảnh quan thành phố Bà Rịa luôn thân thiện, thoáng mát và sạch sẽ;
- Hoàn thiện và không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động trong Công ty; khuyến khích tham gia các hoạt động tình nguyện của Công ty tổ chức và thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững, nâng cao giá trị sống cho cá nhân và cộng đồng;
- Cùng chung tay góp sức đối với các vấn đề cộng đồng và xã hội như đóng góp cho kinh phí hoạt động của các tổ chức thiện nguyện nơi đơn vị đặt trụ sở, quyên góp, ủng hộ những hoàn cảnh khó khăn,...

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Trong những tháng đầu năm 2020 cho đến hiện tại, Đại dịch Covid-19 bùng phát đã gây áp lực nặng nề lên nền kinh tế thế giới. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tăng trưởng kinh tế toàn cầu đã giảm -4,4% trong năm 2020, không loại trừ các nước ASEAN vốn có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới hàng năm. Cũng theo IMF thì Việt Nam là một trong số ít những quốc gia có mức tăng trưởng dương trong năm với tăng trưởng GDP đạt 2,92%, cao hơn so với mức trung bình của thế giới. Tuy nhiên, các hoạt động của Công ty luôn gắn liền với tình hình phát triển của nền kinh tế nói chung và ngành dịch vụ nói riêng. Các biện pháp y tế nhằm phòng, chống dịch bệnh đã gây ra nhiều tác động mạnh mẽ khi lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giảm đến 80%, lượng khách trong nước cũng giảm 50%, làm giảm các nhu cầu về trang trí cảnh quan đô thị, thu gom xử

lý rác thải sinh hoạt,...; tác động đến tình hình hoạt động của Công ty. Để hạn chế những tác động do rủi ro kinh tế mang lại, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, cập nhật tình hình thị trường và xây dựng, thực hiện các kế hoạch, chiến lược hoạt động phù hợp với tình hình hiện tại.

RỦI RO CẠNH TRANH

Trên địa bàn Bà Rịa – Vũng Tàu hiện nay cũng đang có một số doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực với Công ty, do đó bên cạnh những rủi ro khác, Brusco còn phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh gay gắt. Nhận thức được rủi ro này, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, đưa ra những sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu thị trường, đồng thời cải thiện và nâng cao chất lượng của các dịch vụ hiện có, tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro giá cả

Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, Công ty phải chịu sự kiểm soát giá cả sản phẩm đầu ra theo quy định pháp luật Nhà nước và Chính quyền địa phương, Công ty không thể chủ động điều chỉnh dù có bất kỳ sự biến động nào trong chi phí. Bên cạnh đó, các yếu tố đầu vào phục vụ cho hoạt động của Công ty hầu hết đều tăng giá như vật tư nguyên liệu, nhân công làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty cũng như lợi ích của Cổ đông. Do đó, để hạn chế rủi ro tác động đến lợi nhuận và đảm bảo thực hiện được các mục tiêu đã đề ra, Công ty phải xây dựng các chiến lược hoạt động hợp lý, kiểm soát chi phí đầu vào nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Rủi ro môi trường

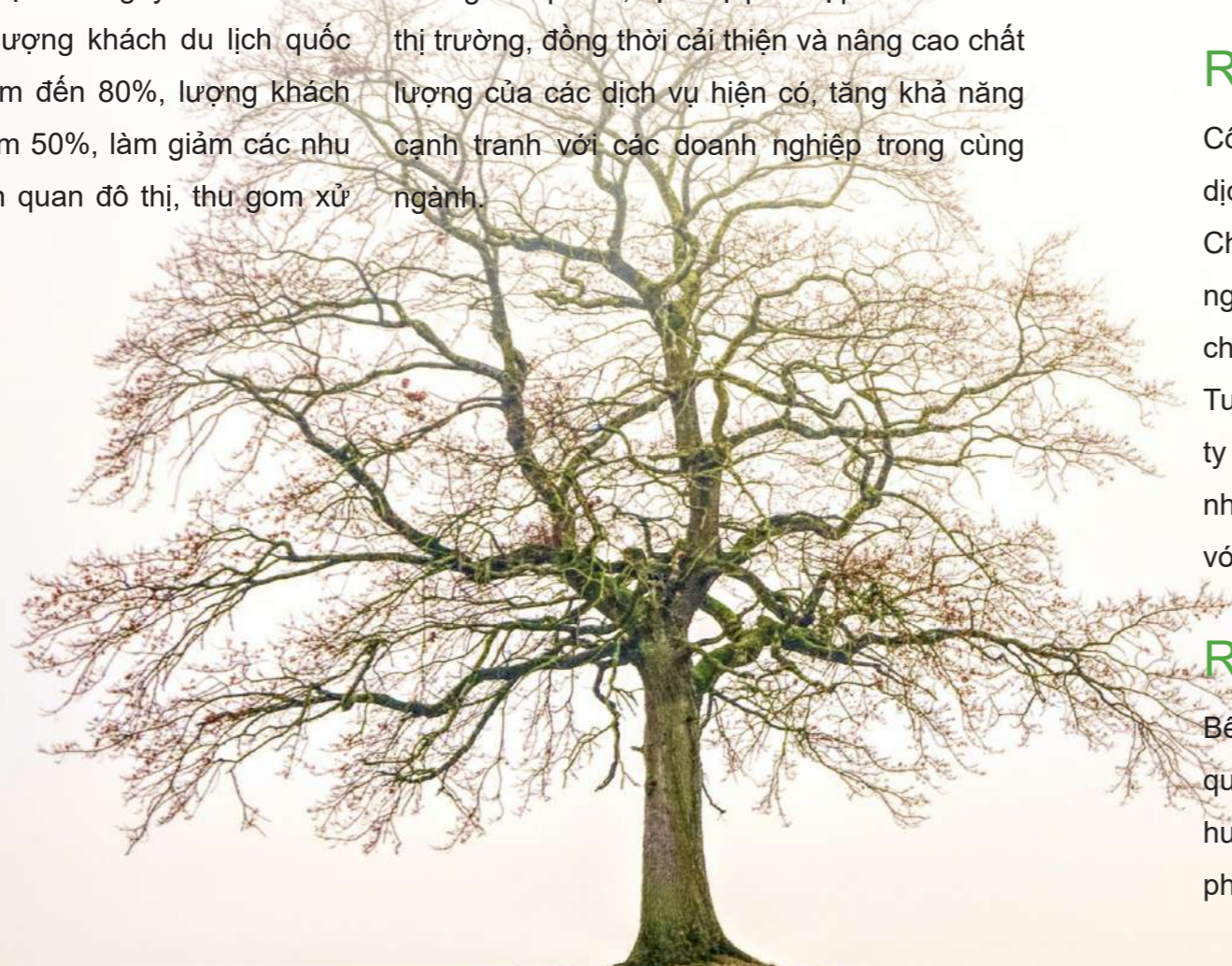
Tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang đe dọa đến chất lượng môi trường tự nhiên, chất thải sinh hoạt cũng gia tăng theo sự phát triển kinh tế và mức sống của người dân. Theo đó, nhu cầu về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường cũng dần được quan tâm nhiều hơn. Để đáp ứng nhu cầu thị trường và thực hiện nhiệm vụ của mình trong việc phát triển và duy trì môi trường đô thị xanh, sạch, đẹp, Công ty luôn chú trọng thực hiện tốt công tác phân loại rác tại nguồn, phục vụ tốt hơn cho khâu xử lý rác, phối hợp thực hiện các kế hoạch đào tạo nhân sự nâng cao trình độ và áp dụng các công nghệ, phương tiện hiện đại, phục vụ cho hoạt động của Công ty.

RỦI RO PHÁP LÝ

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và đăng ký giao dịch tại Sàn giao dịch UPCOM, do đó, Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản pháp lý có liên quan khác. Ngoài ra, vì hoạt động trong ngành xây dựng công trình công cộng và dịch vụ công ích nên các hoạt động của Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng của Luật Bảo vệ Môi trường cùng với các văn bản pháp luật có liên quan khác. Tuy nhiên, do hệ thống pháp lý Việt Nam vẫn còn chưa hoàn thiện và có nhiều thay đổi nên Công ty phải luôn chủ động tìm hiểu, cập nhật các điều chỉnh, sửa đổi của hệ thống Pháp luật để hạn chế những rủi ro có thể ảnh hưởng đến Công ty và đưa ra các kế hoạch, chính sách hoạt động phù hợp với tình hình hiện tại.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro kể trên, Công ty còn phải chịu tác động từ những rủi ro mang tính khách quan khác do thiên tai, hỏa hoạn, khí hậu, vấn đề chính trị,... Để hạn chế những tác động có thể ảnh hưởng đến quá trình hoạt động, Công ty luôn chủ động đưa ra các biện pháp phòng ngừa và khắc phục hậu quả nếu các rủi ro trên xảy ra.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



CHƯƠNG
02

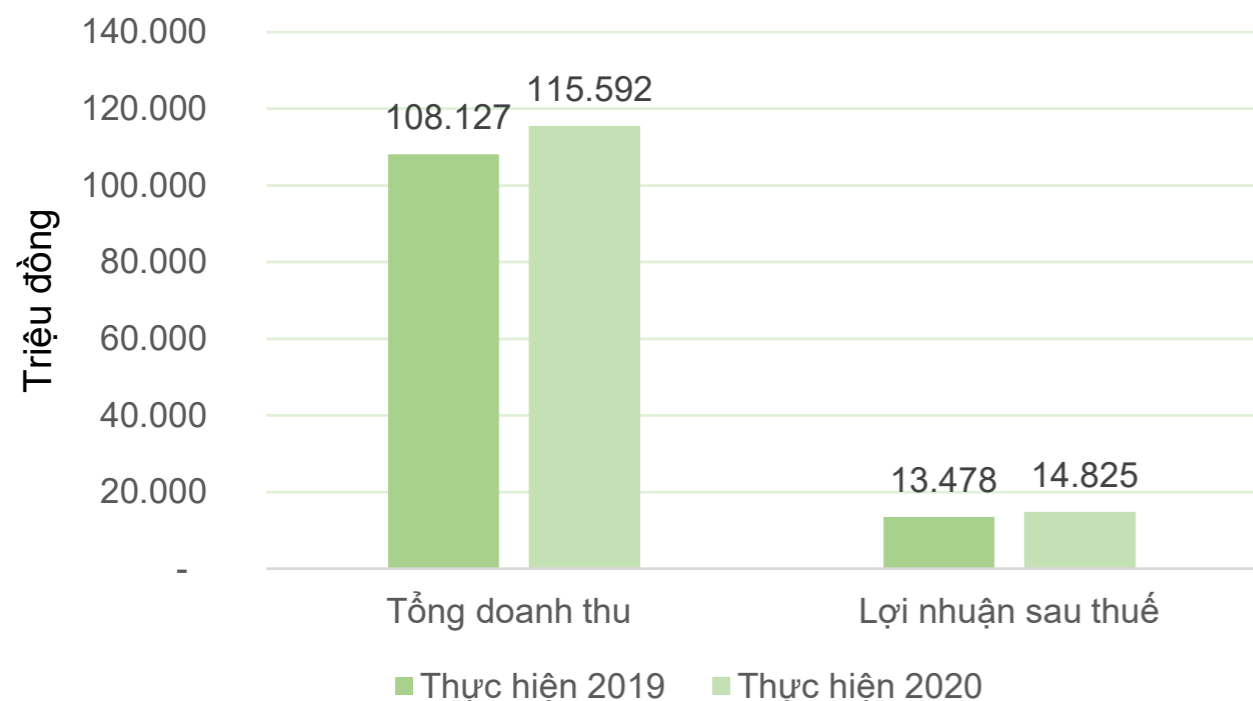
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	TH 2020/ KH 2020	TH 2020/ TH 2019
Tổng doanh thu	Triệu đồng	108.127	106.500	115.592	108,54%	106,90%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	13.478	12.400	14.825	119,56%	110,00%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	14	≥ 14	-		

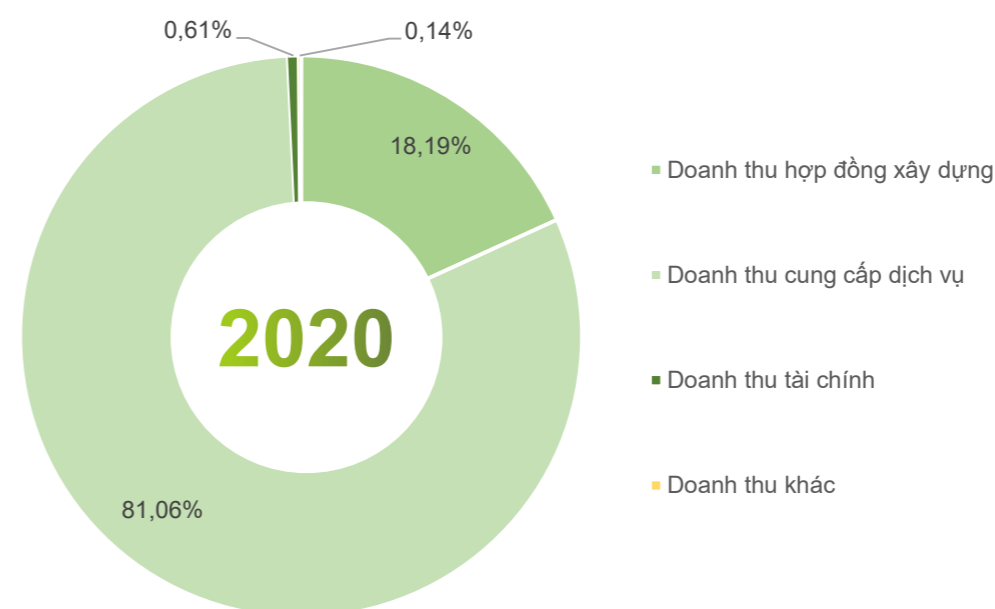
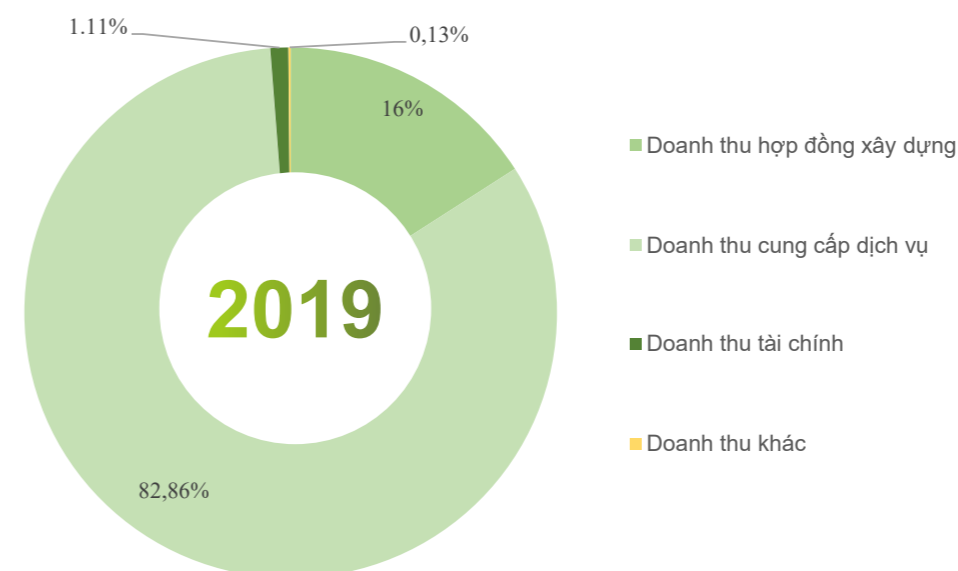
Năm 2020 được đánh giá là một năm thành công của Công ty với các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh đều tăng trưởng so với năm 2019. Cụ thể, tổng doanh thu năm 2020 đạt hơn 115 tỷ đồng, tăng 8,54% so với kế hoạch và tăng 6,90% so với năm 2019. Nguyên nhân do trong năm 2020 công ty phát sinh các hợp đồng trang trí Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 1,913 tỷ; trang trí đường hoa Phạm Văn Đồng 5,22 tỷ; trang trí đèn Tết trên địa bàn thành phố Bà Rịa 5,08 tỷ. Công trình di dời cây xanh thuộc dự án nâng cấp mở rộng TL52 Thành phố Bà Rịa 0,907 tỷ đồng; Tăng khối lượng và giá trị các hợp đồng dịch vụ công ích (chăm sóc cây xanh và vệ sinh môi trường) lên 4,247 tỷ đồng. Bên cạnh đó, công tác quản lý hiệu quả các chi phí đã giúp Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt hơn 14 tỷ, tăng 10% so với năm 2019.

Kết quả hoạt động kinh doanh



CƠ CẤU DOANH THU

Khoản mục	2019		2020	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hợp đồng xây dựng	17.192	15,90%	21.022	18,19%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.599	82,86%	93.703	81,06%
Doanh thu tài chính	1.195	1,11%	708	0,61%
Doanh thu khác	142	0,13%	158	0,14%
Tổng cộng	108.127	100,00%	115.592	100,00%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu tại BRS		Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại BRS	
			Cá nhân	Đại diện	Cá nhân	Đại diện
Hội đồng quản trị						
1	Trương Quang Đại	Chủ tịch	27.700		0,61%	
2	Võ Ngọc Thạch	Thành viên	7.600	1.135.487	0,17%	25%
3	Đào Mạnh Hùng	Thành viên	728.000		16,03%	
4	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Thành viên	8.000	2.358.263	0,18%	51,92%
Ban Tổng Giám đốc						
1	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Tổng Giám đốc	8.000		0,18%	
2	Võ Ngọc Thạch	Phó Tổng Giám đốc	7.600	1.135.487	0,17%	25%
3	Trương Thị Tâm	Kế toán trưởng	1.100	-	0,02%	-
Ban kiểm soát						
1	Nguyễn Quang Quốc	Trưởng ban	700	-	0,02%	-
2	Thang Mỹ Hạnh	Thành viên	-	-	-	-
3	Phan Thị Minh Nguyệt	Thành viên	500	-	0,01%	-

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ông Trương Văn Đại - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh	11/07/1959
Nơi sinh	Xã Hòa Long, Thành phố Bà Rịa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Số lượng cổ phần	Cá nhân: 27.700 cổ phiếu tương đương 0,61% vốn điều lệ
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác và chức vụ
03/1975-1978	Công an Giao thông Huyện Châu Thành
1978- 1983	Cảnh sát Hình sự Huyện Châu Thành
1983-1985	Trường An ninh thôn Phước Trung, Thị trấn Bà Rịa
1985 -1987	Cán bộ công tác tại UBND Thị trấn Bà Rịa

1987- 1989	Trưởng Ban quản lý chợ Bà Rịa
1994-1999	Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
1999 - 02/2007	Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Phường Phước Trung, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
02/2007 –08/2008	Công tác Tại Ủy ban Nhân dân Thị xã Bà Rịa
08/2008 -08/2013	Phó Giám đốc Công ty Công trình Đô thị Bà Rịa
08/2013 – 04/2016	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa
04/2016 – nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa

Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh	13/01/1979
Nơi sinh	Hòa Long, Thành phố Bà Rịa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Kế toán
Số lượng cổ phần	Cá nhân: 8.000 cổ phiếu tương đương 0,18% vốn điều lệ
	Đại diện: 2.358.263 cổ phiếu tương đương 51,92% vốn điều lệ
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác và chức vụ
08/2002- 15/06/2013	Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố Bà Rịa
15/06/2013 - 24/07/2013	Công tác tại Công ty Công trình đô thị thành phố Bà Rịa
25/07/2013 – 18/9/2019	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa
19/9/2019 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa

Ông Võ Ngọc Thạch – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	28/12/1972
Nơi sinh	Long An
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Số lượng cổ phần	Cá nhân: 7.600 cổ phiếu tương đương 0,17% vốn điều lệ
	Đại diện: 1.135.487 cổ phiếu tương đương 25% vốn điều lệ
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
01/08/1997 - 31/05/2008	Phụ trách công tác xây dựng cơ bản tại Công ty Công trình đô thị Thị xã Bà Rịa
01/6/2008- 14/06/2013	Chuyên viên tổng hợp tại văn phòng Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân Thành phố Bà Rịa
15/06/2013 - 24/07/2013	Công tác tại Công ty Công trình Đô thị thành phố Bà Rịa
25/07/2013 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa

Ông Đào Mạnh Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh	10/11/1955
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế
Số lượng cổ phần	Đại diện: 728.000 cổ phiếu tương đương 16,03% vốn điều lệ
Chức vụ tại các tổ chức khác	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
1973 - 1981	Tham gia phục vụ trong quân đội
1982 - 1991	Công tác tại Sở Công thương thành phố Hà Nội
1991 - 1995	Công tác tại Bộ Tài chính Trung ương
1996 - 1999	Công tác tại Bộ Giao thông vận tải
1999 - Nay	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa
2013 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa

Bà Thang Mỹ Hạnh – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh	19/04/1984
Nơi sinh	Bà Rịa
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Kế toán
Số lượng cổ phần	0
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
2008 - 2013	Nhân viên kế toán Đội Công viên cây xanh Công ty Công trình Đô thị thành phố Bà Rịa
2013 – Nay	Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa

Ông Nguyễn Quang Quốc – Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh	05/10/1983
Nơi sinh	Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản lý Kinh tế
Số lượng cổ phần	Cá nhân: 700 cổ phiếu tương đương 0,02% vốn điều lệ
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
2006 - 2013	Nhân viên Phòng Tổ chức - Hành chính kế toán tiền lương Công ty Công trình đô thị thành phố Bà Rịa
2013 – Nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa

Bà Phan Thị Minh Nguyệt – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh	06/09/1985
Nơi sinh	Bà Rịa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số lượng cổ phần	Cá nhân: 500 cổ phiếu tương đương 0,01% vốn điều lệ
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
2008 - 2013	Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty Công trình đô thị thành phố Bà Rịa
2013 - 2018	Nhân viên Phòng Kế hoạch kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa
2018 – Nay	Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa

Bà Trương Thị Tâm – Kế toán trưởng

Ngày sinh	25/10/1988
Nơi sinh	Bình Thuận
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Số lượng cổ phần	Cá nhân: 1.100 cổ phiếu tương đương 0,024% vốn điều lệ
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
05/2014 – 03/2020	Chuyên viên phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Bà Rịa
04/2020- 06/2020	Phó phòng Kế toán – tài vụ Công ty Cổ phần Dịch Vụ Đô Thị Bà Rịa
07/2020 - Nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch Vụ Đô Thị Bà Rịa



THAY ĐỔI NHÂN SỰ QUAN TRỌNG

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Trần Diễm Thúy	Kế toán trưởng		01/07/2020
2	Trương Thị Tâm	Kế toán trưởng	29/06/2020	

CƠ CẤU NHÂN SỰ

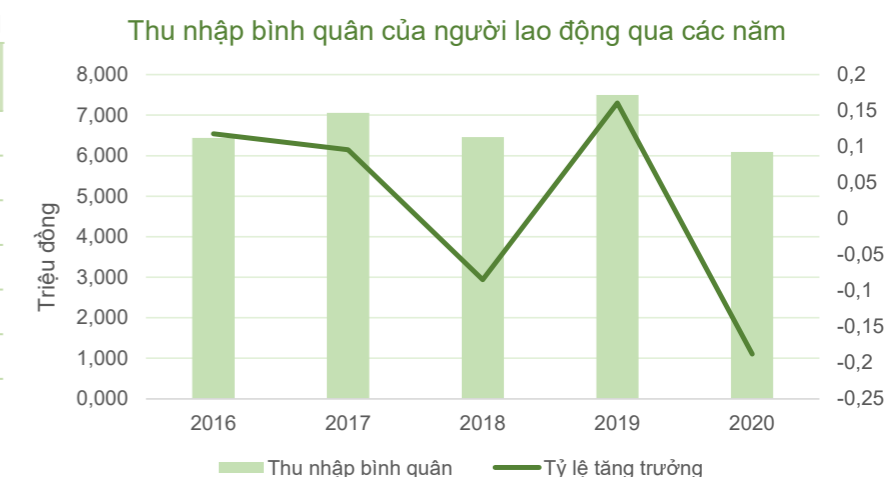
Tổng số lao động: 418 (tính đến ngày 31/12/2020), trong đó

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	418	100%
1	Đại học và trên Đại học	30	7,18%
2	Cao đẳng/Trung cấp	13	3,11%
3	Khác	375	89,71%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	414	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	93	22,46%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	250	60,39%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	71	17,15%

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM

ĐVT: triệu đồng/người/tháng

Năm	Thu nhập bình quân
2015	5,761
2016	6,442
2017	7,060
2018	6,462
2019	7,501
2020	6,093



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đối với người lao động

- Để nâng cao chất lượng làm việc, cũng như tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Công ty chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo an toàn trong khu vực làm việc, khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động và thực hiện tốt các quy định về phòng chống dịch bệnh theo quy định pháp luật;
- Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách Nhà nước theo quy định, thực hiện nộp đầy đủ nghĩa vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của

Công tác đào tạo

Công ty luôn chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật, chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chính vì vậy, Công ty định kỳ tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, tạo điều kiện về thời gian giúp cho người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Trong năm, Công ty có 06 quần chúng ưu tú được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đồng thời, Ban lãnh đạo cũng tạo điều kiện cho 112 nhân viên tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật môi trường, 04 công nhân được đào tạo lớp sơ cấp nghề hàn điện. Ngoài ra, Công ty còn phát động Phong trào thi đua sản xuất - kinh doanh giỏi, phong trào vệ sinh an toàn lao động, Phòng cháy chữa cháy; Phong trào vì Đô thị xanh - sạch - đẹp; phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, ... Qua đó, Ủy ban Nhân dân Thành phố Bà Rịa và Công ty đã tổ chức khen thưởng cho những tập thể, cá nhân đã có nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

pháp luật. Giải quyết kịp thời các quyền lợi cho người lao động theo thỏa ước lao động;

- Bên cạnh các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình cụ thể trong quá trình hoạt động kinh doanh, mức lương, thưởng của nhân viên còn được đánh giá dựa trên chức vụ, năng suất và hiệu quả làm việc nhằm đảm bảo sự công bằng và khuyến khích tinh thần làm việc của nhân viên. Ngoài ra, công ty cũng có những chính sách trợ cấp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi cán bộ, công nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có ma chay, cưới hỏi,...



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư tài chính dài hạn, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng. Số dư đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2020 là 14,4 tỷ đồng. Việc đầu tư hạ tầng, mua sắm trang thiết bị đạt hiệu quả, phù hợp với hoạt động dịch vụ chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường, chiếu sáng công cộng, dịch vụ quản trang - hỏa táng. Các trang thiết bị đầu tư đáp ứng được nhu cầu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm; cải thiện điều kiện làm việc của người lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,80	1,83
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,70	1,72
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	36,98	36,63
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	58,68	57,81
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	20,72	23,44
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,13	1,16
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,62	12,92
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	22,22	23,75
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	14,31	15,01
	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	15,74	15,02

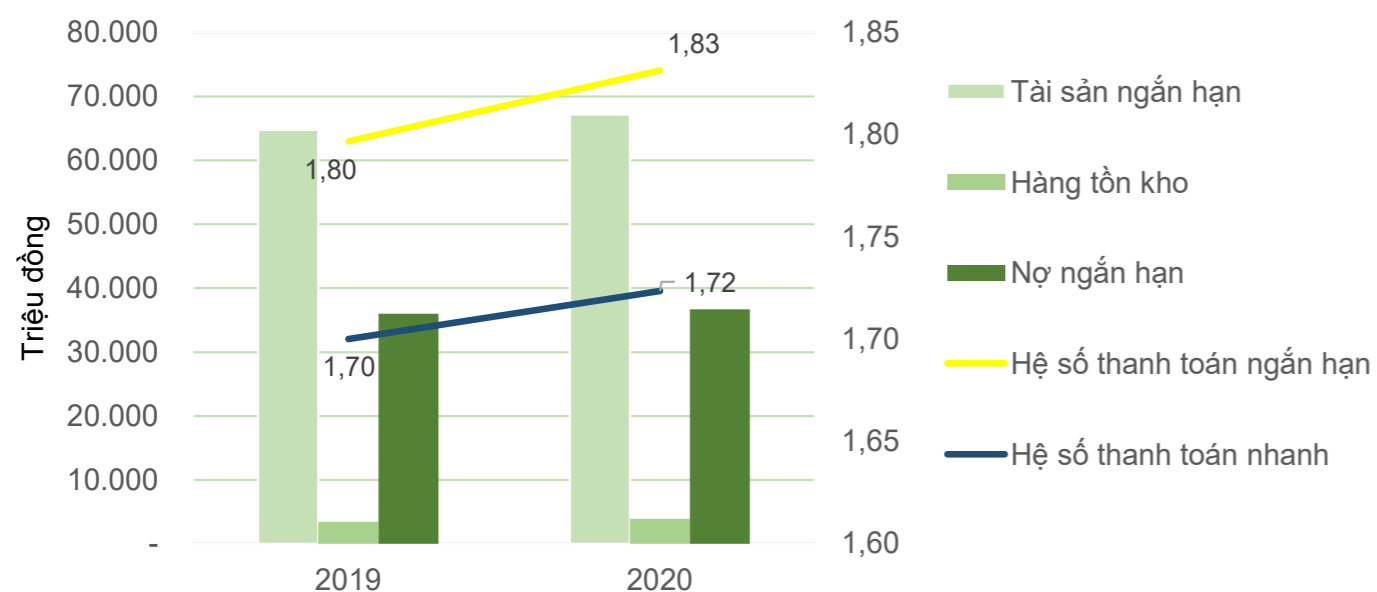


CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm, các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty đều tăng nhẹ so với năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng lên mức 1,83 so với mức 1,80 của năm 2019. Hệ số thanh toán nhanh đạt 1,72, tăng so với mức 1,70 của cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều tăng nhẹ lần lượt 3,79% và 1,83%. Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2020 phát triển tốt,

dòng tiền thu về ổn định nên khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh (134% tương đương 11,05 tỷ), góp phần đáng kể trong phần trăm tăng của tài sản ngắn hạn. Bên cạnh đó, có thể thấy hai chỉ số này không chênh lệch nhau nhiều, điều này được lý giải là do đặc thù của Công ty là ngành dịch vụ nên hàng tồn kho của Công ty hầu như luôn ở mức rất thấp.

Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong hệ số thanh toán

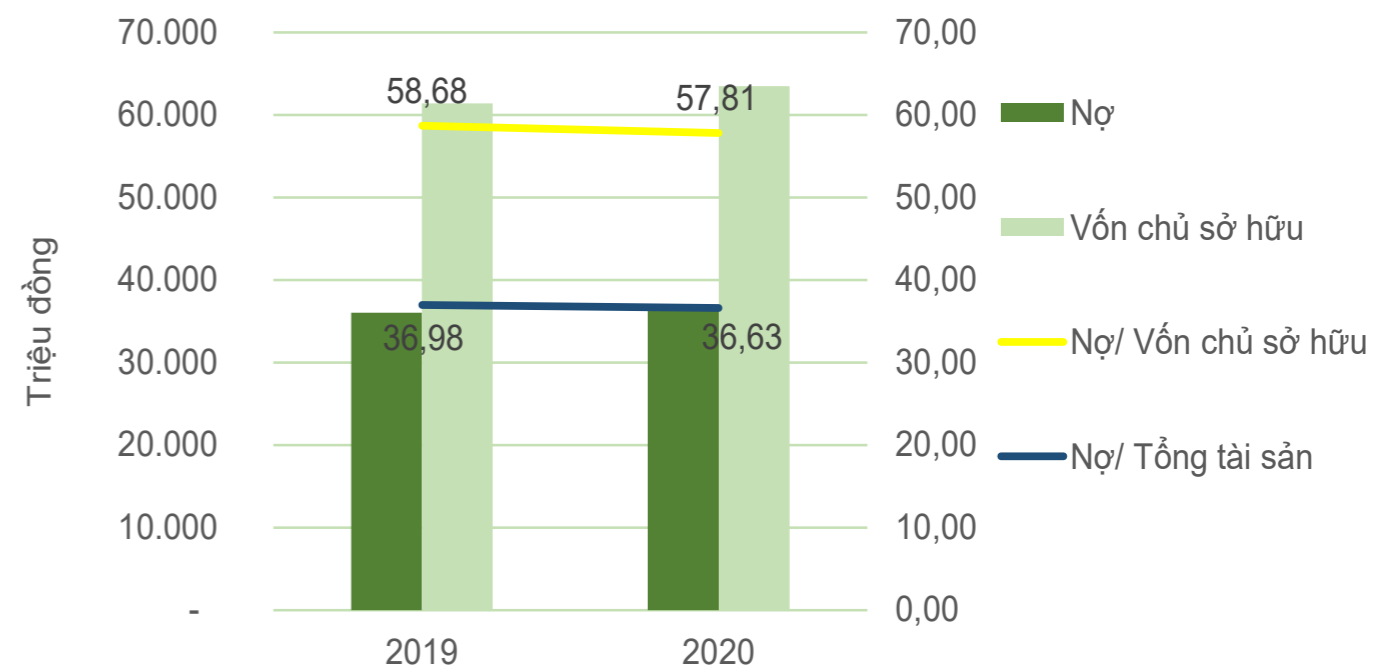


CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều giảm so với năm trước. Trong đó, nợ trên tổng tài sản của Công ty năm 2020 là 36,63%, thấp hơn so với mức 36,98% năm 2019. Tương tự, nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty cũng giảm xuống mức 57,81% so với mức 58,68% của năm trước. Tuy nợ phải trả tăng 1,83% so với cùng kỳ nhưng mức tăng này thấp hơn mức tăng trưởng

của vốn chủ sở hữu (3,35%) và tổng tài sản (2,79%) nên các chỉ tiêu cơ cấu vốn giảm nhẹ. Trong đó, vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu là do trong Công ty hoạt động kinh doanh tốt, đem về lợi nhuận tăng. Qua các hệ số đòn bẩy này cho thấy Công ty chủ yếu dùng vốn tự có để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh, tránh được rủi ro từ lãi vay và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

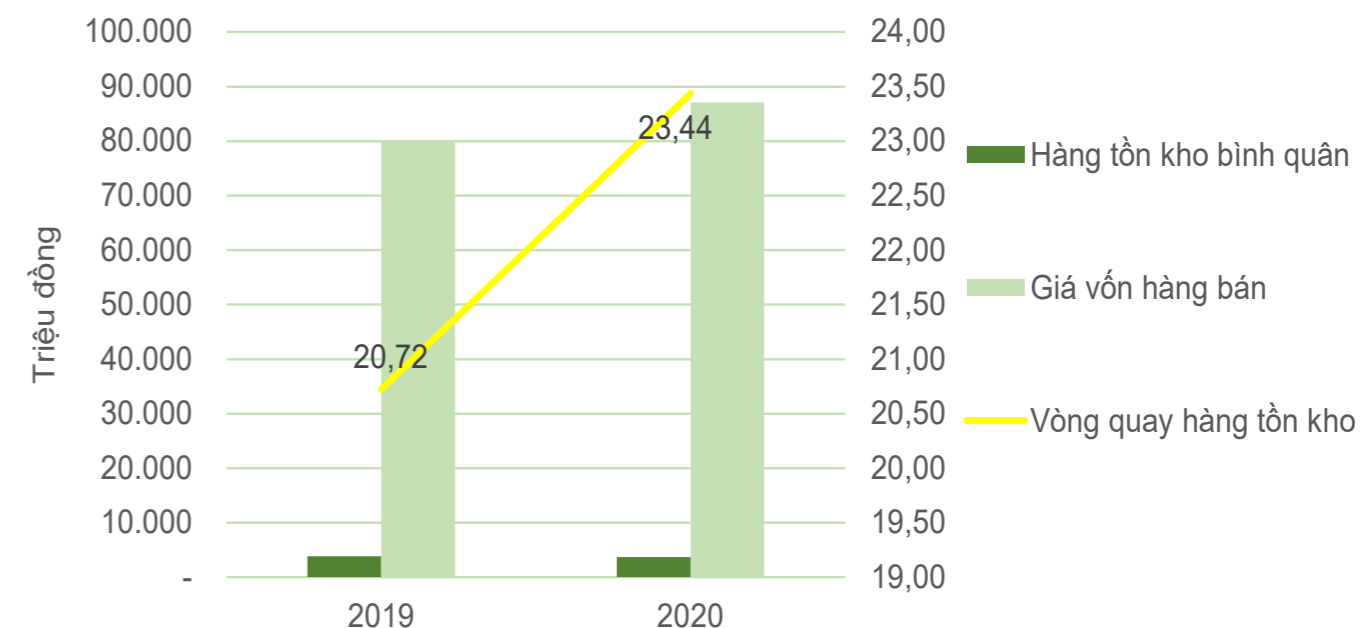
Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong cơ cấu vốn



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay của hàng tồn kho năm 2020 là 23,44 (vòng), tăng mạnh so với năm 2019. Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích nên hàng tồn kho luôn ở mức thấp, bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tăng trưởng tốt nên giá vốn hàng bán tăng (8,59% tương đương 6,89 tỷ), dẫn đến việc gia tăng vòng quay hàng tồn kho. Vòng quay tổng tài sản của Công ty trong năm đã có sự cải thiện khi tăng lên mức 1,16 so với mức 1,13 của năm trước. Điều này cho thấy Công ty ngày càng cải thiện hiệu quả sử dụng tài sản phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình.

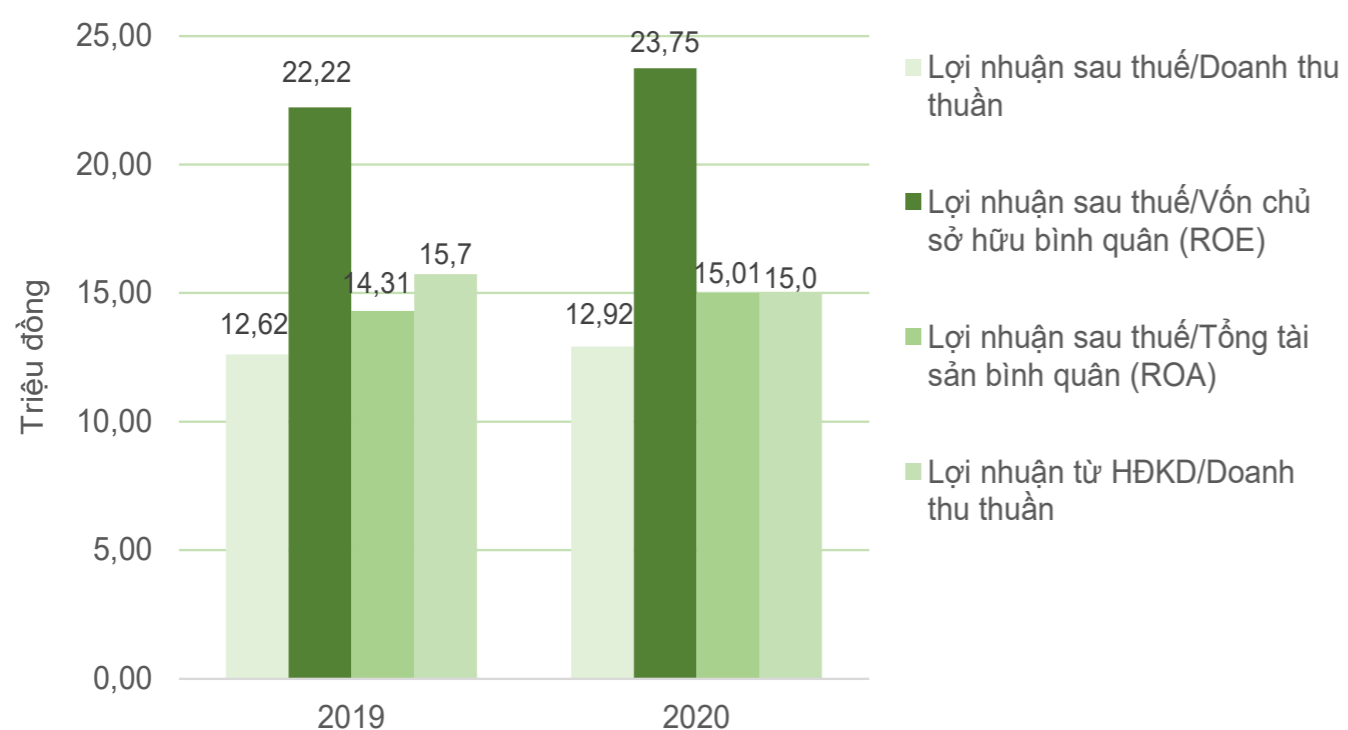
Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong vòng quay hàng tồn kho



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ số sinh lời của Công ty duy trì ở mức cao. Cụ thể, biên lợi nhuận ròng (lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần) năm 2020 là 12,92%, tăng nhẹ so với mức 12,62% của cùng kỳ năm trước nhờ vào các chính sách quản lý chi phí phù hợp. Hệ số ROE (lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu) và ROA (lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản) tiếp tục tăng trưởng, lần lượt đạt 23,75% và 15,01%. Sự tăng trưởng trong các chỉ số sinh lời nhờ vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua tăng (2,51% tương đương 0,42 tỷ) so với năm trước.

Sự thay đổi của các chỉ tiêu khả năng sinh lời



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU CỔ PHẦN

Vốn điều lệ: 45.419.500.000 đồng

Số lượng cổ phần đã phát hành: 4.541.950 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 4.541.950 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông Nhà nước	3.493.750	34.937.500.000	76,92%
Cổ đông nội bộ	44.400	444.000.000	0,98%
Cổ đông trong nước	1.003.800	10.038.000.000	22,1%
Cá nhân	275.800	2.758.000.000	6,07%
Tổ chức	728.000	7.280.000.000	16,03%
Cổ đông nước ngoài			
Cá nhân			
Tổ chức			
Tổng cộng	4.541.950	45.419.500.000	100%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TRÁCH NHIỆM LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Các trang thiết bị, nguyên vật liệu được Công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo đúng chỉ tiêu từng hạng mục công trình về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đề ra các quy trình sử dụng và bảo quản công cụ, dụng cụ; khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến tái sử dụng các thiết bị hư hỏng giúp giảm thiểu lượng rác thải ra môi trường và tiết kiệm chi phí cho Công ty.

Tiêu thụ năng lượng

Để tránh sử dụng lãng phí nguồn năng lượng, tăng chi phí, Công ty luôn đề cao các chính sách tiết kiệm năng lượng như :

- Thay thế dần các bóng đèn điện huỳnh quang thông thường thành bóng đèn chiếu sáng led nhằm giảm tiêu hao điện năng;
- Ngắt các thiết bị điện khi không thật sự cần thiết;
- Nâng cao ý thức của tất cả cán bộ công nhân viên Công ty trong việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và năng lượng.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Vấn đề bảo vệ môi trường đang được các quốc gia trên thế giới hết sức quan tâm và đặt ưu tiên hàng đầu trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế, xã hội của mình. Theo đó, Việt Nam cũng đang tiến hành hoàn thiện hệ thống pháp luật về môi trường, cùng với việc nỗ lực tham gia các công ước quốc tế nhằm bảo vệ môi trường hiệu quả hơn. Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng công trình công cộng và dịch vụ công ích nên Brusco hiểu rõ trách nhiệm của Công ty trong công tác bảo vệ cho cuộc sống, sức khỏe của cộng đồng hiện tại cũng như duy trì và nuôi dưỡng nguồn tài nguyên thiên nhiên cho các thế hệ mai sau. Cụ thể, Công ty đã thực hiện các công tác sau:

Tiêu thụ nước

Nguồn nước tiêu thụ chủ yếu phục vụ cho việc tưới tiêu mảng cây xanh của thành phố Bà Rịa nên Công ty không có lượng nước tái chế từ nước thải. Do đó, Công ty luôn chú trọng việc cán bộ công nhân viên thực hiện công tác tiết kiệm nước dùng cho sinh hoạt trong và ngoài Công ty.

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện đúng tần suất quan trắc, kiểm tra môi trường (nước thải, nước ngầm, nước mặt, khí thải...) theo quy định của các Thông tư, Nghị định liên quan;
- Thu gom và vận chuyển lượng rác thải của Thành phố đến nơi tập kết để xử lý đúng quy trình, tránh rò rỉ nước thải từ các bãi rác;
- Tuyên truyền ý thức cho toàn thể người lao động của Công ty về việc giữ gìn vệ sinh môi trường ở khu vực làm việc và các khu vực xung quanh, đảm bảo môi trường xanh – sạch – đẹp tại khuôn viên trong và ngoài Công ty;
- Hỗ trợ phương tiện, trang thiết bị cũng như nhân lực cho phong trào bảo vệ môi trường tại thành phố Bà Rịa, nơi Công ty đặt trụ sở.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhân lực là nền tảng, là cốt lõi để vận hành một bộ máy doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn chú trọng, quan tâm đến người lao động thực hiện nghiêm túc các chính sách cho người lao động như sau:

- Đăng ký mua bảo hiểm xã hội theo đúng quy định pháp luật người lao động;
- Chính sách lương tăng theo mức lương tối thiểu vùng và luôn đảm bảo chi trả lương đúng hạn cho người lao động;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho cán bộ công nhân viên;
- Thường xuyên cho cán bộ công nhân viên học các lớp chuyên môn nghiệp vụ, các lớp ngắn hạn về quản lý, về chính sách thuế, triển khai văn bản nghị định ...
- Bên cạnh đó, nhằm mang lại không khí vui tươi, thoải mái cho công nhân viên sau giờ làm việc, Công ty đã phối hợp cùng Công đoàn tổ chức các hoạt động tập thể như thi hội thao, ca hát văn hóa văn nghệ, thi nâng cao tay nghề, thi nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, ... Các hoạt động tập thể này nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết cán bộ Công nhân viên các khối trong toàn Công ty.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Brusco luôn hướng tới xây dựng một doanh nghiệp thành công, bền vững và có trách nhiệm. Do đó, Công ty thường xuyên hỗ trợ, chia sẻ khó khăn đối với cộng đồng trên địa bàn hoạt động bằng cách đóng góp nhân lực, vật lực cho các tổ chức xã hội: đóng góp Quỹ vì người nghèo, đóng góp cho đồng bào miền Trung mùa lũ lụt, ... Ngoài ra, trong năm 2020 Công ty đã đồng hành cùng Chính phủ gây quỹ ủng hộ phòng chống dịch Covid - 19, góp phần chung tay xây dựng thành phố Bà Rịa ngày một phát triển.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- Tình hình quản trị tài sản, nguồn vốn
- Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	TH 2020/ KH 2020	TH 2020/ TH 2019
Tổng doanh thu	Triệu đồng	108.127	106.500	115.592	108,54%	106,90%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	13.478	12.400	14.825	119,56%	110,00%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	14	≥ 14	-		

Hoạt động đấu thầu thi công các dịch vụ môi trường đô thị có tính cạnh tranh gay gắt của các đơn vị hoạt động cùng ngành đã làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty. Tuy nhiên dưới sự chỉ đạo kịp thời và nhất quán của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc cùng sự đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty nên năm 2020 Công ty đã hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Cụ thể:

- Tổng doanh thu năm 2020 là 115,59 tỷ đồng, tăng 6,90% so với năm 2019 và vượt 8,54% so với kế hoạch đầu năm (106,5 tỷ đồng);
- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 14,82 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2019 và vượt 19,56% kế hoạch đầu năm (12,40 tỷ đồng);
- Mức cổ tức chi trả năm 2020 dự kiến là 14%;
- Thu nhập bình quân người lao động năm 2020 là 6.093.000 đồng/người/tháng. Trong năm, Công ty ký mới và triển khai một số hợp đồng về trồng cây xanh và xây dựng công trình công cộng. Bên cạnh đó, Công ty đã áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí, chi tiêu hiệu quả nhờ đó hoàn thành tốt kế hoạch đề ra.



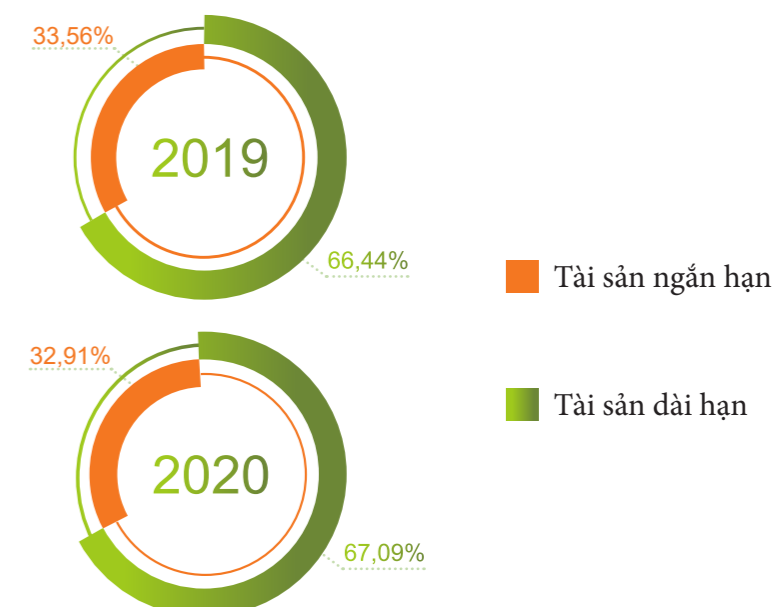
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	Phần trăm tăng/giảm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	64.736.658.296	67.188.930.205	3,79%
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.224.904.374	19.275.359.580	134,35%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.600.000.000	14.400.000.000	-30,10%
Các khoản phải thu ngắn hạn	32.362.266.228	28.389.423.714	-12,28%
Hàng tồn kho	3.483.935.225	3.951.056.856	13,41%
Tài sản ngắn hạn khác	65.552.469	1.173.090.055	1689,54%
TÀI SẢN DÀI HẠN	32.692.780.131	32.960.536.648	0,82%
Các khoản phải thu dài hạn	75.781.853	74.000.001	-2,35%
Tài sản cố định	30.894.500.861	31.816.705.315	2,99%
Tài sản dài hạn khác	1.722.497.417	1.069.831.332	-37,89%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	97.429.438.427	100.149.466.853	2,79%

CƠ CẤU TÀI SẢN		
	2019	2020
Tài sản ngắn hạn	66,44%	67,09%
Tài sản dài hạn	33,56%	32,91%
Tổng tài sản	100,00%	100,00%



Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 100,14 tỷ đồng, tăng 2,79% so với năm trước. Trong đó, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn lần lượt tăng 3,79% và 0,82% so với cùng kỳ năm ngoái. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do dòng tiền và các khoản tương đương tiền thu về tăng từ 8,22 tỷ lên 19,27 tỷ. Tài sản dài hạn tăng nhẹ

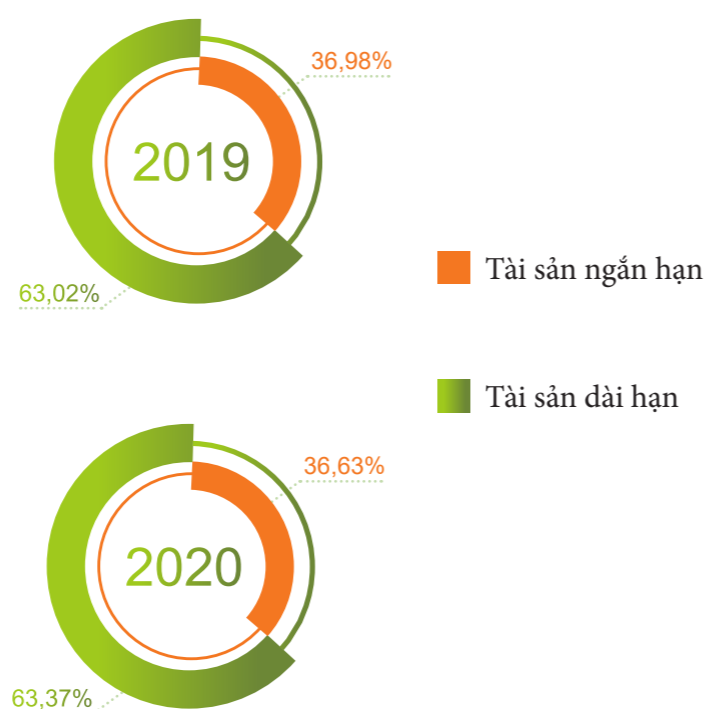
do Công ty tiến hành đầu tư phương tiện vận tải nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn (67,09%) do đặc thù Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích nên nhu cầu đầu tư tài sản cố định không nhiều.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	Phần trăm tăng/giảm
NỢ PHẢI TRẢ	36.027.753.496	36.688.375.915	1,83%
Nợ ngắn hạn	36.027.753.496	36.688.375.915	1,83%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.483.569.329	4.010.242.700	-38,15%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.007.095.000	2.543.769.000	26,74%
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	12.832.427.293	12.503.537.459	-2,56%
Phải trả người lao động	7.801.478.937	8.285.378.482	6,20%
Phải trả ngắn hạn khác	5.537.262	6.601.262	19,22%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.897.645.675	9.338.847.012	35,39%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	61.401.684.931	63.461.090.938	3,35%
Vốn chủ sở hữu	61.401.684.931	63.461.090.938	3,35%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.419.500.000	45.419.500.000	0,00%
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	45.419.500.000	45.419.500.000	0,00%
Quỹ đầu tư phát triển	2.504.567.912	3.216.456.614	28,42%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.477.617.019	14.825.134.324	10,00%
LNST chưa phân phối kỳ này	13.477.617.019	14.825.134.324	10,00%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	97.429.438.427	100.149.466.853	2,79%

CƠ CẤU NGUỒN VỐN		
	2019	2020
Nợ phải trả	36,98%	36,63%
Vốn chủ sở hữu	63,02%	63,37%
Tổng nguồn vốn	100,00%	100,00%



Nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm là 36,68 tỷ đồng, tăng 1,83% so với năm trước. Nợ phải trả của Công ty hoàn toàn đến từ nợ ngắn hạn, các khoản nợ ngắn hạn tăng chủ yếu đến từ phải trả người lao động và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực công ích nên mức độ thâm dụng lao động cao, chi phí lao động trong năm của Công ty tăng nhằm đảm bảo mức lương theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và đời sống người lao động được cải thiện. Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã nhận thêm các hợp đồng về xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm gia tăng chỉ tiêu người mua trả tiền trước ngắn hạn khoảng 26,74%.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

- Thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý cụ thể rõ ràng, các quy định, quy trình hoạt động cùng hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành được cập nhật nâng cấp theo hướng tinh gọn dễ làm, dễ áp dụng tạo thuận lợi tối đa cho công tác vận hành;
- Xây dựng lại các quy trình nghiệp vụ có liên quan đảm bảo công tác kiểm soát thu/ chi, tài chính Công ty được minh bạch, sử dụng vốn hiệu quả và giảm thiểu tổn thất cho công ty;
- Cải cách đột phá về chính sách lương, thưởng, phúc lợi mang lại quyền lợi thỏa đáng cho người lao động; đảm bảo thu nhập theo mặt bằng xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật; Thay đổi chính sách tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp bố trí nhân lực các cấp phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh thực tế;
- Khích khuyến và khen thưởng các tập thể, cá nhân người lao động có đề xuất, sáng kiến hay về cải tiến kỹ thuật, phương pháp làm việc và quản lý.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
Tổng doanh thu	115.592	116.200
Lợi nhuận sau thuế	14.825	13.448
Tỷ lệ chi trả cổ tức	14%	≥ 14%

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Về công tác sản xuất

- Quản lý, kiểm soát chuỗi cung ứng vật tư – nguyên liệu đầu vào chặt chẽ trong điều kiện yêu cầu về số lượng, chất lượng ngày càng cao của thị trường;
- Định kỳ bảo dưỡng, bảo trì máy móc theo đúng kế hoạch đề ra nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị và phương tiện sử dụng hoạt động an toàn và hiệu quả;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí di chuyển, chi phí năng lượng không cần thiết, tăng trưởng lợi nhuận cho Công ty;
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả công việc và tăng sức cạnh tranh trên thị trường;
- Đảm bảo chất lượng đối với nhân sự quản lý cấp cao cũng như tận dụng tối đa nguồn nhân lực sẵn có, nâng cao năng suất, hiệu quả công việc của người lao động.

Về công tác nhân sự đào tạo

- Đào tạo mới và nâng cao kiến thức quản lý sản xuất, năng lực quản trị cho các cấp quản lý;
- Xem xét bố trí, phân bổ lao động phù hợp với nghiệp vụ từng bộ phận, phòng ban;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chuẩn bị tốt nguồn nhân lực thay thế. Có chính sách tuyển dụng linh hoạt và mức độ đãi ngộ tốt để thu hút nhân sự chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển trong những năm tiếp theo;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp có quyết tâm cao, sáng tạo và linh hoạt trong quản lý điều hành trước những thay đổi nhanh của môi trường kinh doanh, đáp ứng mục tiêu xây dựng Công ty phát triển bền vững.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa hoạt động trong lĩnh vực công ích như thu gom rác thải sinh hoạt, vườn ươm cây xanh, đấu thầu thi công các công trình công viên, hoa viên nên việc bảo vệ môi trường là nhiệm vụ và là trách nhiệm ưu tiên hàng đầu của Công ty. Ngoài các công tác bảo vệ môi trường theo đúng với pháp luật quy định, Brusco thường xuyên tuyên truyền, tổ chức các buổi hội thảo nhằm nâng cao ý thức cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty về bảo vệ môi trường; nỗ lực xây dựng môi trường làm việc xanh – sạch - đẹp, góp phần tạo thêm mảng xanh cho tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng và cả nước nói chung.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Từ khi thành lập cho đến nay, Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa hiểu rõ vai trò quan trọng của người lao động trong quá trình phát triển toàn diện của Công ty. Do đó, Brusco hướng đến quản trị trên cơ sở tôn trọng người lao động, bao gồm tôn trọng quyết định, mong muốn, nguyện vọng, quyền tự do và các quyền hợp pháp khác của người lao động, cụ thể:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với người lao động về chính sách phúc lợi lao động, các khoản phải trích nộp đối với lao động theo qui định của Pháp luật lao động hiện hành như BHXH, BHYT, BHTN;
- Công ty thực hiện đầu tư mua sắm trang thiết bị an toàn lao động cho công nhân xây dựng công trình; đồng thời tăng cường kiểm tra các thiết bị đường dây điện tại văn phòng, đảm bảo an toàn về phòng cháy chữa cháy;
- Ban quản trị có kế hoạch đào tạo dài hạn nhằm xây dựng một đội ngũ nhân viên mạnh về kinh nghiệm và kiến thức, đảm bảo phát triển bền vững. Nhìn chung, Công ty luôn nỗ lực mang lại một môi trường làm việc thân thiện, công bằng và bền vững.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Brusco cho rằng đời sống của cộng đồng địa phương là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển bền vững của Công ty. Trong năm, Công ty tích cực hưởng ứng các phong trào do địa phương tổ chức như thăm hỏi động viên, tặng quà cho Bà mẹ liệt sỹ; tham gia hoạt động hưởng ứng “Giờ Trái Đất 2020”; ủng hộ quỹ vì người nghèo, xây dựng “mái ấm công đoàn” cho đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn..., góp phần chia sẻ gánh nặng cho những trường hợp còn nhiều khó khăn trong cộng đồng.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



CHƯƠNG

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty được Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo giám sát chặt chẽ. Tổng Giám đốc thường xuyên tuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, đầu tư sản xuất kinh doanh của Công ty, điều này đã giúp cho Hội đồng quản trị thực hiện giám sát chặt chẽ, đưa ra các giải pháp chấn chỉnh kịp thời;
- Công tác hạch toán và báo cáo tài chính: số liệu phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được cập nhật đầy đủ, đáp ứng yêu cầu công bố thông tin. Các báo cáo tài chính năm đều được lập phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán độc lập;
- Với kết quả đạt được trong năm 2020 đã cho thấy Tổng Giám đốc và Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực trong công tác điều hành, thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông thường niên giao.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc cùng bộ máy điều hành đã nỗ lực phấn đấu, làm hết trách nhiệm của mình trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Định kỳ hàng tháng Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc chủ trì cuộc họp giao ban cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Trưởng phòng, ban trực thuộc Công ty để báo cáo chương trình kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra kế hoạch hoạt động trong tháng. Khi cần thiết, Ban Tổng giám đốc có thể trao đổi, hội ý để thông tin giải quyết các công việc kịp thời. Ban điều hành là một tập thể đoàn kết, năng động, nghiêm túc trong công việc, chủ động sáng tạo trong quản lý điều hành, thực hiện công việc được giao một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông và của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, Công ty hoạt động trong bối cảnh Nhà nước cắt giảm đầu tư công, nhiều chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty có sự thay đổi. Tuy nhiên, với kết quả đạt được trong năm 2020 cùng sự nhiệt huyết, đoàn kết thống nhất cao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, toàn thể công nhân viên Công ty, Hội đồng quản trị đã đề ra các kế hoạch và định hướng năm 2021 như sau:

- Duy trì thị trường hiện có, tăng cường mở rộng tìm kiếm thị trường mới;
- Tập trung phát triển hoạt động kinh doanh chủ lực (Dịch vụ chăm sóc cây xanh và dịch vụ vệ sinh môi trường);
- Thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và xã hội cả về số lượng và chất lượng dịch vụ;
- Tối đa hóa lợi nhuận của Cổ đông, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người lao động;
- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021:

Doanh thu: 116.200.000.000 đồng;

Lợi nhuận sau thuế: 13.448.000.000 đồng;

Tỷ lệ chi trả cổ tức: $\geq 14\%$;

Thu nhập người lao động đảm bảo.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- Tiếp tục thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh năm 2021 nhằm hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra;
- Phối hợp cùng Ban Kiểm soát công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty nhằm bảo tồn và phát huy tối đa nguồn vốn của cổ đông đã đầu tư;
- Đẩy mạnh các hoạt động tìm kiếm thị trường, khách hàng, mở rộng quy mô sản xuất và khai thác có hiệu quả các thị phần hiện có;
- Đầu tư máy móc, trang thiết bị, nhà cửa, vườn ươm phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Quản lý và phát huy có hiệu quả nguồn vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho những dự án có lợi nhuận cao;
- Tiếp tục sắp xếp lại lao động, nhằm đảm bảo hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh;
- Hoàn tất hồ sơ đất đai của Công ty.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng		Tỷ lệ sở hữu	
			cổ phiếu sở hữu		Đại diện	
			Cá nhân	Đại diện	Cá nhân	Đại diện
1	Trương Quang Đại	Chủ tịch	27.700		0,61%	
2	Võ Ngọc Thạch	Thành viên	7.600	1.135.487	0,17%	25%
3	Đào Mạnh Hùng	Thành viên		728.000		16,03%
4	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Thành viên	8.000	2.358.263	0,18%	51,92%

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp Hội đồng quản trị tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Trương Quang Đại	Chủ tịch	10/10	100%	
2	Võ Ngọc Thạch	Thành viên	10/10	100%	
3	Đào Mạnh Hùng	Thành viên	01/10	10%	Do ở xa, tuy nhiên có trao đổi thông tin qua điện thoại
4	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Thành viên	10/10	100%	

Trong năm, Hội đồng quản trị đã đưa ra các Nghị quyết/ Quyết định

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT	09/03/2020	Nghị quyết về việc thống nhất xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2019 của lao động quản lý và Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của người lao động.
2	Số 02/NQ-HĐQT	06/04/2020	Nghị quyết về việc thống nhất xác định quỹ tiền lương của lao động kế hoạch năm 2020 và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người lao động quản lý kế hoạch năm 2020.
3	Số 03/NQ-HĐQT	29/04/2020	Nghị quyết về việc thống nhất xác định quỹ tiền lương của lao động kế hoạch năm 2020 và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người lao động quản lý kế hoạch năm 2020.
4	Số 04/NQ-HĐQT	01/07/2020	Nghị quyết về việc giao dịch với người nội bộ.

STT	Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/QĐ-HĐQT	02/01/2020	Quyết định về việc Điều chỉnh hệ số lương.
2	Số 02/QĐ-HĐQT	20/05/2020	Quyết định về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
3	Số 03/QĐ-HĐQT	03/07/2020	Quyết định về việc phê duyệt tổng dự toán Dự án: Mua tài sản chuyên dùng năm 2020 phục vụ kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa.
4	Số 04/QĐ-HĐQT	10/07/2020	Quyết định về việc Phê duyệt kế hoạch đấu thầu Dự án: Mua xe chuyên dùng năm 2020 phục vụ kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa.
5	Số 05/QĐ-HĐQT	04/08/2020	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu Mua sắm hàng hóa (xe chuyên dùng năm 2020 phục vụ kinh doanh tại Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa).

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

(tại ngày 31/12/2020)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng		Tỷ lệ sở hữu	
			cổ phiếu sở hữu		Đại diện	
			Cá nhân	Đại diện	Cá nhân	Đại diện
1	Nguyễn Quang Quốc	Trưởng ban	700	-	0,02%	-
2	Thang Mỹ Hạnh	Thành viên	-	-	-	-
3	Phan Thị Minh Nguyệt	Thành viên	500	-	0,01%	-

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, pháp luật và Điều lệ Công ty trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty. Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý. Nhìn chung, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của Hội đồng quản trị và đáp ứng được yêu cầu điều hành quản lý sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc;

- Kiểm soát các báo cáo tài chính trong nửa niên độ tài chính nhằm đánh giá trung thực của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam;
- Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát đánh

giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ báo cáo qua là phù hợp với nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty; tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị; trực tiếp nắm đầy đủ các nội dung Nghị quyết, các Quyết định của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty một cách đầy đủ. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào nội dung của cuộc họp, đồng thời có những kiến nghị với Hội đồng quản trị,

Ban Tổng Giám đốc liên quan đến công tác quản lý điều hành;

- Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty tạo điều kiện tốt về việc phối hợp hoạt động để tăng cường vai trò chủ động của Ban kiểm soát khi thực hiện quyền của mình. Các phòng ban nghiệp vụ đã cung cấp đầy đủ các thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu có liên quan để Ban kiểm soát thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý tự tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao kiến thức trong quản lý, kiểm soát và điều hành.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Tiền lương Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc là 2.173.273.200 đồng, trong đó:

Lao động quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn Nhà nước

STT	Chức danh	Mức lương (đồng/tháng)
1	Tổng Giám đốc	42.732.900
2	Phó Tổng Giám đốc	36.628.200

Lao động quản lý chuyên trách là không phải là người đại diện phần vốn Nhà nước

STT	Chức danh	Mức lương (đồng/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	44.767.800
2	Trưởng Ban Kiểm soát	24.418.800
3	Kế toán trưởng	32.558.400

Thù lao là 153.909.091 đồng, trong đó:

STT	Chức danh	Mức lương (đồng/tháng)
1	Hội đồng quản trị	108.000.000
2	Ban kiểm soát	45.909.091

Thù lao đã chi cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng số tiền được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập.

Tiền thưởng Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Năm 2020 chưa chi do thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn Nhà nước chờ Ủy ban Nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại và căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2020 dự kiến chi là 271.659.150 đồng.

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

Tên tổ chức/cá nhân: Công ty TNHH Thương mại và thiết bị môi trường Hiệp Hòa - Đại diện: ông Đào Mạnh Hùng

Mối quan hệ liên quan với Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Cổ đông

Địa chỉ trụ sở chính/ trụ sở liên hệ: Số 11, tổ 1, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Thời điểm giao dịch với Công ty: 07/10/2020

Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua:

- Số 04/NQ-HĐQT ngày 01/07/2020;
- Số 03/QĐ-HĐQT ngày 03/07/2020;
- Số 04/QĐ-HĐQT ngày 10/07/2020;
- Số 05/QĐ-HĐQT ngày 04/08/2020.

Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch:

- Mua 01 xe 6 tô chở rác ngõ phố 4m³: 595.000.000 đồng;
- Mua 01 xe ô tô cuốn ép chở rác 9m³: 1.595.000.000 đồng;
- Mua 01 xe ô tô cuốn ép chở rác 12m³ (trên nền xe cơ sở Hino FG8JJ7A): 1.778.000.000 đồng

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



CHƯƠNG

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RỊA
Báo cáo tài chính
đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2020

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa
Số 11 Huỳnh Ngọc Hay, phường Phước Hiệp, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát chung về Công ty

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Nhà nước Công ty Công trình đô thị thành phố Bà Rịa theo Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3500100167, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 09 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp.

Tên tiếng nước ngoài : Ba Ria Urban Service Joint Stock Company.
Tên viết tắt : BRUSCO.
Trụ sở chính : Số 11 Huỳnh Ngọc Hay, phường Phước Hiệp, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Điện thoại : 0254 3825422
Fax : 0254 3829801
E-Mail : dothibarria@gmail.com; Web: dothibarria.com

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty: Dịch vụ công ích; Xây dựng công trình; Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

Vốn pháp định : 6.000.000.000 đồng Việt Nam
Vốn điều lệ : 45.419.500.000 đồng Việt Nam
Số lượng cổ phần : 4.541.950 cổ phần
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng Việt Nam

Các sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Quang Đại	Chủ tịch
Ông Võ Ngọc Thạch	Thành viên
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên	Tổng Giám đốc
Ông Võ Ngọc Thạch	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Quốc	Trưởng ban
Bà Thang Mỹ Hạnh	Thành viên
Bà Phan Thị Minh Nguyệt	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Vũng Tàu (VAC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Kim Xuyên
Bà Rịa, ngày 10 tháng 03 năm 2021



Số: 57 /21/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp của Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Hồng Tư
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán
số: 0655-2018-127-1

Thay mặt và đại diện cho CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VŨNG TÀU
Vũng Tàu, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thành Đại
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán
số: 5456-2020-127-1

Mẫu số: B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		67.188.930.205	64.736.658.296
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	19.275.359.580	8.224.904.374
111	Tiền		16.275.359.580	8.224.904.374
112	Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	-
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	14.400.000.000	20.600.000.000
121	Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14.400.000.000	20.600.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		28.389.423.714	32.362.266.228
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	26.588.824.165	28.973.802.686
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	198.500.000	160.000.000
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	2.306.197.971	3.982.561.964
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(704.098.422)	(754.098.422)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	Hàng tồn kho	V.6	3.951.056.856	3.483.935.225
141	Hàng tồn kho		3.951.056.856	3.483.935.225
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.173.090.055	65.552.469
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	74.950.296	65.552.469
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12a	1.098.139.759	-
154	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	Tài sản ngắn hạn khác		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Số cuối năm	Số đầu năm
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		32.960.536.648	32.692.780.131
210	Các khoản phải thu dài hạn		74.000.001	75.781.853
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	Phải thu dài hạn khác	V.5b	74.000.001	75.781.853
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	Tài sản cố định		31.816.705.315	30.894.500.861
221	Tài sản cố định hữu hình	V.8	20.382.182.569	19.459.978.115
222	Nguyên giá		54.096.325.678	50.420.871.133
223	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(33.714.143.109)	(30.960.893.018)
224	Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	Nguyên giá		-	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	Tài sản cố định vô hình	V.9	11.434.522.746	11.434.522.746
228	Nguyên giá		11.434.522.746	11.434.522.746
229	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	Bất động sản đầu tư		-	-
231	Nguyên giá		-	-
232	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	Tài sản dở dang dài hạn		-	-
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	Đầu tư vào công ty con		-	-
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	Tài sản dài hạn khác		1.069.831.332	1.722.497.417
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	1.069.831.332	1.722.497.417
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		100.149.466.853	97.429.438.427

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
		Số cuối năm	Số đầu năm
300	NGUỒN VỐN		
300	NỢ PHẢI TRẢ	36.688.375.915	36.027.753.496
310	Nợ ngắn hạn	36.688.375.915	36.027.753.496
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.10 4.010.242.700	6.483.569.329
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11 2.543.769.000	2.007.095.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12b 12.503.537.459	12.832.427.293
314	Phải trả người lao động	V.13 8.285.378.482	7.801.478.937
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-
316	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-
317	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	6.601.262	5.537.262
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14 9.338.847.012	6.897.645.675
323	Quỹ bình ổn giá	-	-
324	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
330	Nợ dài hạn		
331	Phải trả người bán dài hạn	-	-
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
333	Chi phí phải trả dài hạn	-	-
334	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-
335	Phải trả nội bộ dài hạn	-	-
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-
337	Phải trả dài hạn khác	-	-
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
339	Trái phiếu chuyển đổi	-	-
340	Cổ phiếu ưu đãi	-	-
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	63.461.090.938	61.401.684.931
410	Vốn chủ sở hữu	63.461.090.938	61.401.684.931
411	Vốn góp của chủ sở hữu	V.15 45.419.500.000	45.419.500.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	45.419.500.000	45.419.500.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi	-	-
412	Thặng dư vốn cổ phần	-	-
413	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-
414	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
415	Cổ phiếu quỹ (*)	-	-
416	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	3.216.456.614	2.504.567.912

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
		Số cuối năm	Số đầu năm
400	NGUỒN VỐN		
419	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.825.134.324	13.477.617.019
421a	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối kỳ trước	-	-
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	14.825.134.324	13.477.617.019
422	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
430	Nguồn kinh phí		
431	Nguồn kinh phí	-	-
432	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	100.149.466.853	97.429.438.427

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Trương Thị Tâm

Trương Thị Tâm

Nguyễn Thị Kim Xuyên

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

Mẫu số: B 02-DN

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	114.725.056.040	106.790.412.097
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		114.725.056.040	106.790.412.097
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	87.123.087.002	80.230.037.386
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.601.969.038	26.560.374.711
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	708.072.118	1.195.053.923
22	Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	Chi phí bán hàng		-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	11.082.415.335	10.948.931.216
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.227.625.821	16.806.497.418
31	Thu nhập khác		158.486.182	141.871.028
32	Chi phí khác		112.755.100	106.157.738
40	Lợi nhuận khác	VI.5	45.731.082	35.713.290
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.273.356.903	16.842.210.708
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.6	2.448.222.579	3.364.593.689
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.825.134.324	13.477.617.019
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	3.264	1.557

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Kim Xuyên

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Trương Thị Tâm

Trương Thị Tâm

Mẫu số: B 03-DN

**BÁO CÁO
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
Năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		123.090.566.659	99.817.944.436
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(54.657.368.953)	(39.286.419.798)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(43.789.360.826)	(39.572.526.918)
04	Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.790.423.612)	(3.673.723.381)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.114.401.080	31.989.789.328
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.786.930.565)	(46.488.235.638)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.180.883.783	2.786.828.029
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TS và tài sản dài hạn khác		(2.758.581.818)	(6.098.200.000)
22	Tiền thu thanh lý, bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác		-	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.400.000.000)	(13.600.000.000)
24	Tiền thu cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		20.600.000.000	10.800.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		785.819.241	1.196.286.800
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.227.237.423	(7.701.913.200)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	Tiền thu phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	Tiền trả lại vốn cho các CSH, mua lại CP đã phát hành		-	-
33	Tiền thu từ đi vay		-	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.357.666.000)	(6.356.602.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.357.666.000)	(6.356.602.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		11.050.455.206	(11.271.687.171)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.224.904.374	19.496.591.545
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	19.275.359.580	8.224.904.374

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Kim Xuyên

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Trương Thị Tâm

Trương Thị Tâm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Nhà nước Công ty Công trình đô thị thành phố Bà Rịa theo Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3500100167, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 09 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp.

Vốn pháp định :	6.000.000.000 đồng Việt Nam
Vốn điều lệ :	45.419.500.000 đồng Việt Nam
Số lượng cổ phần :	4.541.950 cổ phần
Mệnh giá cổ phần :	10.000 đồng Việt Nam

2. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ công ích; Xây dựng công trình; Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

4. Lao động

Tổng số nhân viên trong năm của công ty: 418 người; (Năm trước: 411 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 3 (ba) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền thì được coi là các khoản tương đương tiền.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 (ba) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Dự phòng phải thu khó đòi được trình bày trên một tài khoản riêng.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, giải thể hay các khó khăn tương tự hoặc các khoản phải thu có bằng chứng chắc chắn không thể thu được.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu được trích lập dự phòng không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm cho các sản phẩm lỗi thời, hư hỏng, kém mất phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Công cụ, dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng hoặc có thời gian sử dụng dưới 12 tháng.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu cho Công ty và chi phí đó được xác định một cách đáng tin cậy. Tất cả các chi phí sửa chữa và bảo trì khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	:	06 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	:	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	:	08 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng, quản lý	:	05 năm

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý, nhượng bán với giá trị còn lại và chi phí thanh lý, được ghi nhận là thu nhập khác (lãi) hoặc chi phí khác (lỗ) trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc (giá mua ban đầu) và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng, sở hữu tài sản đó. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định vô hình được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý, nhượng bán với giá trị còn lại và chi phí thanh lý, được ghi nhận là thu nhập khác (lãi) hoặc chi phí khác (lỗ) trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và phải trả khác là các khoản nợ được xác định về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh trong tương lai, liên quan đến hàng hóa, dịch vụ Công ty đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Lợi nhuận sau thuế được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt khi trích lập các quỹ theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Việc sử dụng các quỹ phải được sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ của Công ty.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng nghiệm thu, xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ, hợp đồng xây dựng được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác

Gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty.

Chi phí khác

Gồm những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của Công ty.

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng tại công ty là: 20%. Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2020 theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, các khoản nợ phải trả và việc trình bày các tài sản tiềm tàng và các khoản nợ phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự thận trọng và hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Giá trị hợp lý

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các Tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Giá trị ghi sổ (giá gốc) trừ đi dự phòng đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, hàng tồn kho, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải trả người bán và phải trả khác gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

V. THÔNG TIN TRÌNH BÀY BỔ SUNG CHO NỘI DUNG TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính là: đồng Việt Nam, trừ các trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm		Đầu năm		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng	
Tiền mặt	1.096.834.451	-	923.149.737	-	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.178.525.129	-	7.301.754.637	-	
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	99.707.223	-	161.967.218	-	
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam	14.951.929.282	-	6.920.957.999	-	
Ngân hàng TMCP Quốc tế	126.888.624	-	218.829.420	-	
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	-	-	-	
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam	3.000.000.000	-	-	-	
Cộng	19.275.359.580	-	8.224.904.374	-	
2. Các khoản đầu tư tài chính					
Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn		Cuối năm	Đầu năm		
Tiền gửi có kỳ hạn		14.400.000.000	20.600.000.000		
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam		14.400.000.000	20.600.000.000		
Số cuối năm		14.400.000.000	20.600.000.000		
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
		Cuối năm		Đầu năm	
		Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Phòng Quản lý Đô thị TP. Bà Rịa	23.597.291.456	-	23.567.775.899	-	
Ban Quản lý Trung tâm Hành chính tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	306.091.185	-	315.757.722	-	
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 2 TP. Bà Rịa	-	-	3.444.008.675	-	
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Châu Đức	-	-	114.267.500	-	
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 1 TP. Bà Rịa	997.943.632	-	-	-	
Các khách hàng khác	1.687.497.892	(664.098.422)	1.531.992.890	(714.098.422)	
Cộng	26.588.824.165	(664.098.422)	28.973.802.686	(714.098.422)	
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem chi tiết tại mục VII.2)					

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Công ty TNHH XD Khánh Dương	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	(40.000.000)
Công ty CP Chứng khoán Beta	55.000.000	-	55.000.000	-
Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt	65.000.000	-	65.000.000	-
Công ty CP Tập đoàn CK CN cao SyBa	38.500.000	-	-	-
Cộng	198.500.000	(40.000.000)	160.000.000	(40.000.000)
5. Phải thu khác				
a) Phải thu ngắn hạn khác		Cuối năm	Đầu năm	
Tạm ứng		-	116.500.000	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.900.621.191	3.729.445.373	
Phải thu khác		405.576.780	136.616.591	
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		33.551.507	111.298.630	
Thuế GTGT đầu vào đơn vị chưa kê khai		360.727.273	4.381.818	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		11.298.000	20.936.143	
Cộng		2.306.197.971	3.982.561.964	
b) Phải thu dài hạn khác		Cuối năm	Đầu năm	
Ký quỹ, ký cược dài hạn		74.000.001	75.781.853	
Cộng		74.000.001	75.781.853	
6. Hàng tồn kho				
Nguyên liệu, vật liệu		3.951.056.856	3.483.935.225	
Cộng		3.951.056.856	3.483.935.225	
7. Chi phí trả trước				
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		Cuối năm	Đầu năm	
Chi phí mua bảo hiểm		40.627.831	38.108.043	
Chi phí sử dụng đường bộ		33.555.621	26.467.905	
Cước Internet		766.844	613.521	
Chi phí khác		-	363.000	
Cộng⁽ⁱ⁾		74.950.296	65.552.469	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(i) Chi tiết tăng, giảm chi phí trả trước ngắn hạn	Năm nay	Năm trước			
Số đầu năm	65.552.469	63.230.481			
Số tăng trong năm	162.457.749	144.026.953			
Phân bổ vào chi phí trong năm	(153.059.922)	(141.704.965)			
Số cuối năm	74.950.296	65.552.469			
b) Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm			
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	147.054.280	316.183.894			
Chi phí sửa chữa thường xuyên	629.230.238	1.276.778.372			
Chi phí sử dụng đường bộ	9.337.356	33.368.004			
Hoa viên nghĩa trang Long Hương	-	3.756.795			
Các khoản khác	284.209.458	92.410.352			
Cộng⁽ⁱⁱ⁾	1.069.831.332	1.722.497.417			
(ii) Chi tiết tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn	Năm nay	Năm trước			
Số đầu năm	1.722.497.417	1.182.844.943			
Số tăng trong năm	668.716.051	2.247.659.000			
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.321.382.136)	(1.708.006.526)			
Số cuối năm	1.069.831.332	1.722.497.417			
8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.175.835.148	6.851.636.122	30.356.879.863	36.520.000	50.420.871.133
Mua trong năm	68.181.818	-	3.607.272.727	-	3.675.454.545
Số dư cuối năm	13.244.016.966	6.851.636.122	33.964.152.590	36.520.000	54.096.325.678
Đã khấu hao hết	709.322.340	4.405.136.122	9.693.633.500	-	14.808.091.962
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.874.988.310	5.106.242.697	15.960.991.789	18.670.222	30.960.893.018
Khấu hao trong năm	412.720.132	245.320.274	2.087.885.675	7.324.010	2.753.250.091
Số dư cuối năm	10.287.708.442	5.351.562.971	18.048.877.464	25.994.232	33.714.143.109

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.300.846.838	1.745.393.425	14.395.888.074	17.849.778	19.459.978.115
Tại ngày cuối năm	2.956.308.524	1.500.073.151	15.915.275.126	10.525.768	20.382.182.569
9. Tài sản cố định vô hình					Quyền sử dụng đất
Nguyên giá					
Số dư đầu năm					11.434.522.746
Mua trong năm					-
Số dư cuối năm					11.434.522.746
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm					-
Khấu hao trong năm					-
Số dư cuối năm					-
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm					11.434.522.746
Tại ngày cuối năm					11.434.522.746
Quyền sử dụng đất tại số 11 Huỳnh Ngọc Hay, phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quyền sử dụng đất của Công ty được đánh giá khi chuyển từ đất thuê sang đất giao theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa số 2983/2012/VLAND-HCM ngày 06/07/2012 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt và Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 14/08/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đến thời điểm kiểm toán, Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.					
10. Phải trả người bán ngắn hạn		Cuối năm	Đầu năm		
Cơ sở Thành Đạt		47.382.500	1.219.792.360		
Công ty TNHH Đầu tư TM DV Phúc Tấn		918.660.262	921.079.224		
Công ty TNHH Tâm Liên		261.266.770	483.118.540		
Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Nguyễn Hồ		-	429.270.754		
Cơ sở Tân Thành		-	418.500.000		
Vựa kiếng Sađec		-	306.027.000		
Công ty TNHH Xây dựng Phát Đại Thành		346.300.000	286.300.000		
Công ty TNHH TM và Thiết bị Môi trường Hiệp Hoà		1.277.600.000	-		
Các nhà cung cấp khác		1.159.033.168	2.419.481.451		
Cộng		4.010.242.700	6.483.569.329		
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Xem chi tiết tại mục VII.2 Thông tin các bên liên quan)					

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

11. Người mua trả tiền ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng ứng trước tiền xây mộ	2.538.769.000	2.002.095.000
Các khách hàng khác	5.000.000	5.000.000
Cộng	2.543.769.000	2.007.095.000

12. Thuế

a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	Đầu năm	Số phải thu	Số đã thực nộp	Cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	1.098.139.759	1.098.139.759
Cộng	-	-	1.098.139.759	1.098.139.759

b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	903.090.675	4.437.669.378	4.513.455.865	827.304.188
Thuế thu nhập doanh nghiệp	244.061.274	2.448.222.579	2.692.283.853	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.062.143	243.270.417	252.312.490	13.020.070
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	228.690.455	228.690.455	228.690.455	228.690.455
Các loại thuế khác	-	4.793.296	4.793.296	-
Phí, lệ phí và phải nộp khác	11.434.522.746	22.461.700	22.461.700	11.434.522.746
Cộng	12.832.427.293	7.385.107.825	7.713.997.659	12.503.537.459

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Phải trả người lao động	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.801.478.937	5.940.015.651
Các khoản lương phải trả trong năm	44.273.260.371	41.433.990.204
Các khoản lương năm trước đã trả	(7.801.478.937)	(5.940.015.651)
Các khoản lương đã trả trong năm	(35.987.881.889)	(33.632.511.267)
Số cuối năm	8.285.378.482	7.801.478.937

Công ty trả lương theo Quy chế lương và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.897.645.675	5.943.108.818
Số trích trong năm	6.406.998.317	5.613.623.207
Số chi trong năm	(3.965.796.980)	(4.659.086.350)
Số cuối năm	9.338.847.012	6.897.645.675

15. Vốn góp của chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	45.419.500.000	1.880.832.000	12.596.089.119	59.896.421.119
Lãi trong năm trước	-	-	13.477.617.019	13.477.617.019
Trích lập các quỹ	-	623.735.912	(6.237.359.119)	(5.613.623.207)
Chia cổ tức	-	-	(6.358.730.000)	(6.358.730.000)
Số dư cuối năm trước	45.419.500.000	2.504.567.912	13.477.617.019	61.401.684.931
Số dư đầu năm nay	45.419.500.000	2.504.567.912	13.477.617.019	61.401.684.931
Lãi trong năm nay	-	-	14.825.134.324	14.825.134.324
Trích lập các quỹ	-	711.888.702	(7.118.887.019)	(6.406.998.317)
Chia cổ tức	-	-	(6.358.730.000)	(6.358.730.000)
Số dư cuối năm nay	45.419.500.000	3.216.456.614	14.825.134.324	63.461.090.938

Năm 2020, Công ty phân phối Lợi nhuận 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHCD ngày 05/06/2020.

Lợi nhuận năm 2020 chưa phân phối, số liệu chính thức sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Đăng ký kinh doanh		Thực góp	
	SL CP	Giá trị	Số cuối năm	Số đầu năm
UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	3.493.750	34.937.500.000	34.937.500.000	34.937.500.000
Công ty TNHH TM và Thiết bị Môi trường Hiệp Hoà	728.000	7.280.000.000	7.280.000.000	7.280.000.000
Các cổ đông khác	320.200	3.202.000.000	3.202.000.000	3.202.000.000
Cộng	4.541.950	45.419.500.000	45.419.500.000	45.419.500.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp đầu năm	45.419.500.000	45.419.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.419.500.000	45.419.500.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.541.950	4.541.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.541.950	4.541.950
Cổ phiếu phổ thông	4.541.950	4.541.950
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.541.950	4.541.950
Cổ phiếu phổ thông	4.541.950	4.541.950
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/CP		
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	4.541.950	4.541.950

e) Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHCD ngày 05/06/2020 như sau:

Chia cổ tức cho các cổ đông	:	6.358.730.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	:	711.888.702
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	6.406.998.317

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính là: đồng Việt Nam, trừ các trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	21.022.355.040	17.191.836.667
Doanh thu của hợp đồng xây dựng ghi nhận trong kỳ	21.022.355.040	17.191.836.667
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng	28.931.326.063	19.671.178.486
Doanh thu cung cấp dịch vụ	93.702.701.000	89.598.575.430
Cộng	114.725.056.040	106.790.412.097

Doanh thu cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Phòng Quản lý Đô thị TP. Bà Rịa	64.029.697.075	56.685.521.815
Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	1.072.983.954	2.312.398.298
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 2 TP. Bà Rịa	10.238.794.431	11.307.820.114
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Châu Đức	-	(26.414.545)
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 1 TP. Bà Rịa	907.221.484	-
Cộng	76.248.696.944	70.279.325.682

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	15.166.086.260	12.264.759.880
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	71.957.000.742	67.965.277.506
Cộng	87.123.087.002	80.230.037.386

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	708.072.118	1.195.053.923
Cộng	708.072.118	1.195.053.923

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

	Năm nay	Năm trước
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên quản lý	6.560.512.071	6.546.614.303
Chi phí du lịch	1.601.640.000	1.694.000.000
Chi phí khác	2.920.263.264	2.708.316.913
Cộng	11.082.415.335	10.948.931.216
5. Lợi nhuận khác		
Thu nhập khác	158.486.182	141.871.028
Thu bồi thường xe đụng	158.486.182	133.033.755
Thu nhập khác	-	8.837.273
Chi phí khác	112.755.100	106.157.738
Các khoản bị phạt	22.461.700	1.319.438
Chi sửa chữa đèn bị xe đụng	90.293.400	104.838.300
Lợi nhuận khác	45.731.082	35.713.290
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.273.356.903	16.842.210.708
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm)	8.461.700	(19.242.262)
Các khoản bị phạt	22.461.700	1.319.438
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành	36.000.000	36.000.000
Chi phí không được trừ khác	-	23.438.300
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(50.000.000)	(80.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	17.281.818.603	16.822.968.446
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	3.456.363.721	3.364.593.689
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	(1.036.909.116)	-
Thuế TNDN bị truy thu	28.767.974	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	2.448.222.579	3.364.593.689

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

	Năm nay	Năm trước
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.825.134.324	13.477.617.019
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc (giảm) lợi nhuận	-	(6.406.998.317)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(6.406.998.317)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	14.825.134.324	7.070.618.702
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.541.950	4.541.950
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	3.264	1.557
EPS năm nay chưa bao gồm số sẽ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.		
EPS năm trước được điều chỉnh hồi tố do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHCD ngày 05/06/2020.		
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.140.934.474	38.595.678.868
Chi phí nhân công	46.293.307.123	41.944.760.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.753.250.091	2.633.204.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.814.636.058	4.073.708.192
Chi phí khác bằng tiền	5.203.374.591	3.931.616.764
Cộng	98.205.502.337	91.178.968.602

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan và các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ chủ yếu trong năm như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Nội dung nghiệp vụ/Bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch	Số dư cuối năm phải thu/(phải trả)
Phải thu ngắn hạn về cung cấp dịch vụ			24.901.326.273
Phòng Quản lý đô thị TP. Bà Rịa	Bên liên quan	53.569.300.895	23.597.291.456
Ban Quản lý Trung tâm hành chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bên liên quan	306.721.185	306.091.185
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 2 TP. Bà Rịa	Bên liên quan	11.262.673.875	-
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Châu Đức	Bên liên quan	-	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 1 TP. Bà Rịa	Bên liên quan	997.943.632	997.943.632
Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm			(1.277.600.000)
Công ty TNHH Thương Mại Và Thiết Bị Môi Trường Hiệp Hoà	Cổ đông	3.968.000.000	(1.277.600.000)
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc		Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị		1.527.372.263	1.732.252.127
Ban Kiểm soát		485.318.770	544.275.891
Ban Tổng Giám đốc		342.314.600	587.999.263
3. Báo cáo bộ phận			
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý			
Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.			
Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh			
Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:			
Xây dựng: Xây dựng công trình.			
Dịch vụ: Dịch vụ công ích; Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.			
Năm nay	Dịch vụ	Xây dựng	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	93.702.701.000	21.022.355.040	114.725.056.040
Chi phí bộ phận	(71.957.000.742)	(15.166.086.260)	(87.123.087.002)
Kết quả kinh doanh	21.745.700.258	5.856.268.780	27.601.969.038
Doanh thu tài chính			708.072.118
Chi phí QLDN			(11.082.415.335)
Thu nhập khác			158.486.182
Chi phí khác			(112.755.100)
Thuế thu nhập DN hiện hành			(2.448.222.579)
Lợi nhuận sau thuế			14.825.134.324

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Năm trước	Dịch vụ	Xây dựng	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	89.598.575.430	17.191.836.667	106.790.412.097
Chi phí bộ phận	(67.965.277.506)	(12.264.759.880)	(80.230.037.386)
Kết quả kinh doanh	21.633.297.924	4.927.076.787	26.560.374.711
Doanh thu tài chính			1.195.053.923
Chi phí QLDN			(10.948.931.216)
Thu nhập khác			141.871.028
Chi phí khác			(106.157.738)
Thuế thu nhập DN hiện hành			(3.364.593.689)
Lợi nhuận sau thuế			13.477.617.019

4. Thông tin về số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vũng Tàu.

5. Thông tin về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

6. Thông tin khác

Ngày 11/10/2017, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có văn bản số 110/KH-UBND “Về việc thoái vốn Nhà nước tại các Doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2017 – 2020”. Vốn Nhà nước tại Công ty sau khi thoái vốn còn lại 36% (16.352 triệu đồng). Ngày 09/02/2021, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có công văn số 1321/UBND-VP “Về việc xác định giá trị doanh nghiệp Công ty CP Dịch vụ Đô thị Bà Rịa phục vụ công tác thoái vốn”; Theo đó giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục hỗ trợ Công ty thực hiện các thủ tục hoàn chỉnh hồ sơ, làm cơ sở tổ chức thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định.

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị	Năm nay	Năm trước
Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	% 32,91	33,56
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% 67,09	66,44
Bố trí cơ cấu vốn		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	% 36,63	36,98
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	% 63,37	63,02

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
Khả năng thanh toán			
Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	2,73	2,70
Tổng tài sản ngắn hạn /Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,83	1,80
Tổng tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,92	0,80
Tỷ suất sinh lời			
Lợi nhuận/doanh thu			
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần + Doanh thu tài chính	%	14,96	15,60
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Doanh thu tài chính	%	12,84	12,48
Lợi nhuận/Tổng tài sản			
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	17,25	17,29
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	14,80	13,83
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	23,36	21,95

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trương Thị Tâm

Trương Thị Tâm



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Xuyên

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RI

Bà Rịa, ngày 15 tháng 04 năm 2021
Xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Công ty



Nguyễn Thị Kim Xuyên



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RI

dothibaria.com